

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

**Địa chỉ** 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Điện thoại** 028 38294623

**Fax** 028 38290403

**Website** <http://metalhcm.com.vn/vi/>

**Email** kimkhitp@metalhcm.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2017**

# MỤC LỤC



**01 THÔNG TIN CHUNG**

**15 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**31 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**43 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**49 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**63 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



# THÔNG TIN CHUNG



**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Thành tích Công ty đạt được**

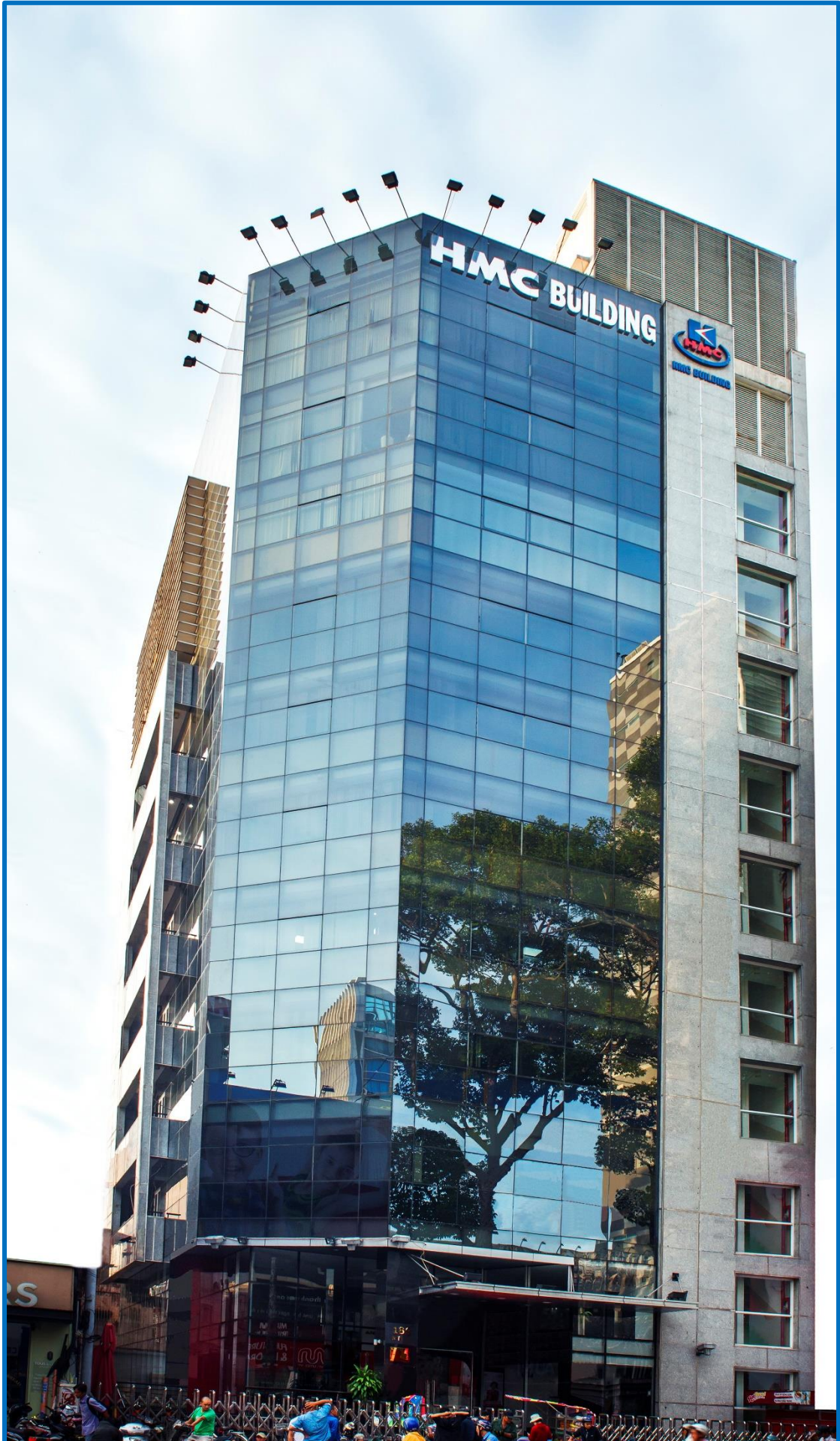
**Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động**

**Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức**

**Tầm nhìn, chiến lược và định hướng phát triển**

**Các mục tiêu trong tương lai**

**Quản trị rủi ro**





---

<b>Tên Công ty</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- VNSTEEL</b>
<b>Tên giao dịch</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- VNSTEEL</b>
<b>Tên viết tắt</b>	<b>HMC</b>
<b>Giấy CNDKDN số</b>	0300399360 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2017
<b>Vốn điều lệ</b>	210.000.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư CSH</b>	392.547.991.232 đồng
<b>Địa chỉ</b>	193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
<b>Số điện thoại</b>	028 38294623
<b>Số fax</b>	028 38290403
<b>Website</b>	<a href="http://www.metalhcm.com.vn">www.metalhcm.com.vn</a>
<b>Email</b>	<a href="mailto:kimkhitp@metalhcm.com.vn">kimkhitp@metalhcm.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>HMC</b>

---



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

**Năm 1975** Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh - VNSTEEL tiền thân là Tổ chức quản lý Cung ứng Vật tư Kỹ thuật miền Nam được thành lập theo Quyết định 775/VT-QĐ ngày 07/11/1975 của Bộ Vật tư.

Ngày 30/12/1975 Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517/VT-QĐ về việc tách Công ty Kim khí – Thiết bị Phụ tùng thành hai Công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.

**Năm 1976** Ngày 04/11/1976, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II.

**Năm 1986** Ngày 01/01/1986, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim khí TP HCM theo quyết định số 746/VT-QĐ.

**Năm 1993** Ngày 28/05/1993 theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí – Bộ Thương mại.

**Năm 2003** Ngày 12/11/2003 Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

**Năm 2005** Ngày 07/09/2005, Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh thành Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158.000.000.000 đồng.

**Năm 2006** Ngày 21/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là HMC.

**Năm 2008** Ngày 16/05/2008, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết bổ sung là 210 tỷ đồng.

**Năm 2017** Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh công bố thông tin về việc đổi tên Công ty thành CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL vào ngày 17/01/2017.



## THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

STT	Năm	Danh hiệu, hình thức khen thưởng	Thành tích	Quyết định số	Ngày ra quyết định	Cấp ra quyết định
1	1995	Huân chương lao động hạng 3	Xuất sắc trong công tác từ năm 1990 đến 1994.	467KT/CTN	25/05/1995	Chủ tịch nước
2	2006	Bảng khen của Bộ Công Nghiệp	Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006.	24/QĐ-BCN	02/01/2007	Bộ Công Nghiệp
3	2007	Bảng khen của Thủ tướng chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007.	732/QĐ-TTg	09/06/2008	Thủ tướng chính phủ
4	2010	Huân chương lao động hạng 2	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.	2194/QĐ-CTN	24/11/2011	Chủ tịch nước
5	2011	Cờ Thi đua của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.	01/QĐ-BCT	03/01/2012	Bộ Công Thương
6	2012	Bảng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.	76/QĐ-BCT	07/01/2013	Bộ Công Thương
7	2012	Bảng khen của Thủ tướng chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác.	1741/QĐ-TTg	25/09/2013	Thủ tướng chính phủ
8	2014	Bảng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014.	11989/QĐ-BCT	30/12/2014	Bộ Công Thương
9	2016	Bảng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016	3134/QĐ-BCT	31/10/2017	Bộ Công Thương

# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

## Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh kim khí (kim loại đen, kim loại màu); vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, phế liệu...
- Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ kinh doanh.
- Dịch vụ: cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại.

## Địa bàn hoạt động

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam và thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước như Hồng Kông, Myanmar, Campuchia...



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

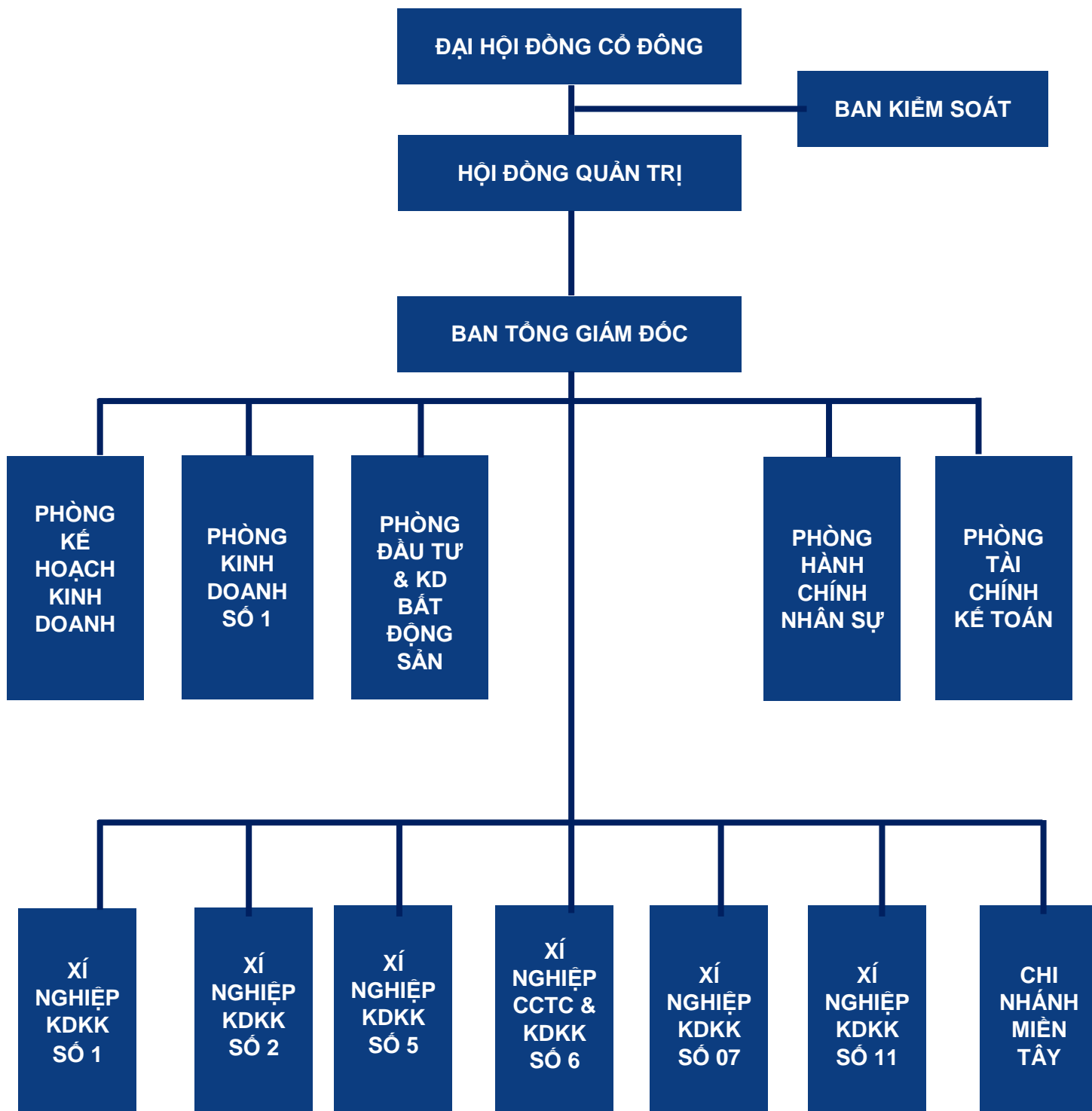
Là một Công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng ban và xí nghiệp

**Các công ty con, công ty liên kết:** Không có



Sơ đồ bộ máy quản lý





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Tầm nhìn, Chiến lược

Xây dựng Công ty trở thành Công ty có uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng và dịch vụ ở khu vực và trong cả nước, hình thành chiến lược kinh doanh ổn định, lâu dài phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới.

### Sứ mệnh

Phát huy lợi thế và bề dày kinh nghiệm 40 năm trong lĩnh vực kinh doanh kim khí của Công ty để hướng tới xây dựng hệ thống khách hàng ổn định và lâu dài, cung cấp sản phẩm chất lượng, giá cả hợp lý, luôn quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng và chất lượng dịch vụ.

Xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong Công ty, thỏa mãn được điều kiện sống và làm việc ổn định của người lao động gắn bó lâu dài với Công ty. Trong mọi hoạt động của mình, Công ty luôn quan tâm đến bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

### Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL là xây dựng hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp dịch vụ hoàn hảo, bảo đảm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

## Chiến lược phát triển dài hạn đến năm 2020

Công ty hiện hoạt động kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

- Kinh doanh kim loại nhập khẩu: phần đầu mỗi năm tăng trưởng từ 5% đến 10%.
- Kinh doanh hàng thép xây dựng: phần đầu mỗi năm tăng trưởng 10% trong đó tỷ trọng cung cấp vào công trình trọng điểm là trên 50%.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng cơ bản (xi măng): phần đầu mỗi năm tăng trưởng 10%.
- Xuất khẩu: phần đầu chiếm 10% sản lượng kinh doanh.
- Văn phòng cho thuê: phần đầu tỷ lệ cho thuê luôn trên 95% diện tích.
- Tiếp tục tận dụng lợi thế về đất đai sẵn có, tổ chức khai thác có hiệu quả thông qua việc liên kết hợp tác đầu tư lô đất Linh Trung Thủ Đức.

## Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

### Mục tiêu đối với môi trường

Toàn thể Công ty đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong công tác bảo vệ môi trường, thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo, các sáng kiến và giải pháp kỹ thuật để cải tiến quy trình công nghệ, với mục tiêu làm cho môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp hơn.

Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.

Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường đang trở thành yêu cầu bắt buộc với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và HMC nói riêng. Ban Lãnh đạo trong những năm qua đã không ngừng huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường.

### Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Công ty có nhiều chính sách phù hợp cho nhân viên của mình (chế độ làm việc, nghỉ phép, lễ, Tết đến điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng) và cam kết tạo điều kiện cần thiết và thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy hết khả năng của mình.

Ngoài việc tạo nhiều việc làm hơn cho mọi người thông qua quá trình tuyển dụng, toàn thể Công ty hiểu rằng phụng sự xã hội và chia sẻ với cộng đồng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. HMC vẫn sẽ tiếp tục đồng hành cùng những dự án cộng đồng, xã hội và nỗ lực tạo ra những sản phẩm có giá trị cao để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội.



## QUẢN TRỊ RỦI RO



### Rủi ro kinh tế

Theo báo cáo kết quả của Tổng cục thống kê, năm 2017 được xem như một năm phát triển “thần kỳ” của nền kinh tế Việt Nam, với việc lần đầu tiên chúng ta hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong đó nổi bật nhất là tăng trưởng GDP đạt 6,81%, mức cao nhất trong 10 năm qua và lạm phát được kiểm soát ở mức 3.53%. Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục là thành phần chủ lực, đóng góp 74% vào quy mô nền kinh tế.

Trong năm tài chính qua, nước ta tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng, tập trung vào hạ tầng giao thông cùng các dự án lớn như mở rộng sân bay, đường cao tốc Bắc- Nam, hạ tầng giao thông phát triển đô thị... Bên cạnh đó, hiện nay có hơn 800 đô thị đang được quy hoạch kéo theo nhu cầu lớn về vật liệu xây dựng bao gồm sắt, thép, xi măng,... tạo đà cho các ngành này phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng như: thép, kim loại, vật liệu xây dựng,... nên chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Nhìn chung, các điều kiện kinh tế năm 2017 có sự hồi phục mạnh mẽ cũng góp phần không nhỏ vào sự phục hồi cho ngành thép nói chung và HMC nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh ảnh hưởng bởi các tác động từ bên ngoài, kinh tế Việt Nam cũng đang phải chịu nhiều thách thức từ các yếu tố nội tại trong cả ngắn và dài hạn. Trong đó, đáng chú ý là nợ xấu, biến động tỷ giá, thâm hụt ngân sách, đầu tư công, nợ công,... Nếu những rào cản đó không được nhanh chóng tháo gỡ, cải thiện thì sẽ gây ra tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.

### Rủi ro luật pháp

Là một Công ty cổ phần và niêm yết trên sàn Hồ Chí Minh, kinh doanh và giao thương với nước ngoài dưới sự chi phối của pháp luật Việt Nam nên khi có sự điều chỉnh trong quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thuế xuất nhập khẩu, ... và các quy định khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty đều ảnh hưởng đến hoạt động thương mại của Công ty. Với hệ thống luật hiện tại đang dần hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách gây ra ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của công ty. Đặc biệt, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng nên việc áp dụng vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn, do đó đòi hỏi HMC phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và nhanh chóng chuẩn bị nhằm điều chỉnh các quy chế văn bản nội bộ và cách thức quản trị hợp lý để hướng đến việc phát triển công ty một cách tốt hơn.

### Rủi ro về giá cả hàng hóa

Giá cả các mặt hàng thép và nguyên liệu sản xuất thép dao động liên tục và hiện đang phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc. Biến động tăng giảm thất thường của giá thép là rủi ro nhưng cũng là cơ hội đối với nhà kinh doanh, nhất là kinh doanh hàng nhập khẩu.

HMC luôn duy trì và tạo dựng được mối quan hệ mật thiết rất tốt với các nhà sản xuất thép hàng đầu trong và ngoài nước, đảm bảo được nguồn cung thép ổn định và hợp lý.





### Rủi ro tỷ giá hối đoái

Các sản phẩm thép của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, nên ngoài việc chịu ảnh hưởng từ sự biến động của giá thép trên thế giới còn có thể bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá. Với một Công ty phân phối sản phẩm chủ yếu là nhập khẩu thì sự ổn định tỷ giá rất quan trọng. Vì vậy để giảm thiểu sự tác động của tỷ giá đối với kết quả kinh doanh Công ty phải có những biện pháp phòng ngừa hợp lý như: lựa chọn thời điểm nhập và tồn trữ hàng hóa, sử dụng công cụ phái sinh,...

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác ký hợp đồng với Công ty không có khả năng chi trả, không thực hiện đúng nghĩa vụ khi tham gia chính sách bán hàng trả chậm của Công ty hoặc các khoản Công ty cho vay.

Công nợ là một phần gắn liền với kinh doanh thép, nhất là thép xây dựng. Hiện nay, ở nước ta khung pháp lý vừa xây dựng vừa chỉnh sửa nên chưa hoàn thiện. Bên cạnh đó, bộ máy thực thi pháp lý còn nhiều bất cập. Do vậy quá trình đòi nợ thường kéo dài từ khâu khiếu kiện đến thi hành án dẫn đến việc doanh nghiệp thường không thu hồi được hoặc chi phí thu hồi nợ lớn.

Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty luôn theo dõi công nợ, định kỳ đánh giá năng lực tài chính, uy tín của khách hàng, đối tác nhằm có chính sách thu hồi nợ thích hợp, áp dụng nhiều chính sách tín dụng khác nhau cho từng loại đối tượng khách hàng.

### Rủi ro lãi suất

Công ty chủ yếu vay nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh: phát hành L/C, ... với lãi suất thả nổi nên sự biến động của lãi suất trong nước sẽ tác động trực tiếp tới lãi vay qua đó ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. HMC hiện đang phụ thuộc khá lớn vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng nên bất cứ biến động nào về chính sách tín dụng như thay đổi lãi suất và tỷ giá đều là rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Để ứng phó với rủi ro về nhu cầu vốn, lãi suất và tỷ giá, Ban Lãnh đạo HMC luôn chủ động trong việc tìm kiếm và duy trì nguồn vốn vay với mức lãi suất cạnh tranh, linh hoạt trong các giải pháp thu hồi công nợ và duy trì tồn kho ở mức hợp lý để cân đối nguồn vốn lưu động, từng bước cân đối nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu.

### Rủi ro khác

Một vài rủi ro mang tính hệ thống như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... gây thiệt hại về tài sản, con người có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Revenue 1996-2006 by Country

	2004	2005	2006
Revenue (million EUR)	63,612.0	86,343.8	49,885.1
%	32.9%	32.9%	30.5%
27,413.3	27.7%	29,833.1	25.4%
16,070.7	10.7%	15,210.3	14.6%
1,300.8	7.8%	589.8	4.1%
2,775.9	2.7%	2,065.5	1.0%
572.5	0.9%	472.5	0.4%
3,628.8	2.4%	3,943.1	6.8%
4,331.1	4.0%	4,376.0	1.2%
4,331.6	4.4%	4,880.2	1.6%
3,847.7	3.7%	4,109.8	3.7%
4,351.3	4.3%	4,196.5	3.9%
3,716.1	3.8%	3,266.7	3.1%
99,042.7	97.8%	105,099.8	97.6%
2.1%	2.2%	2.4%	2.4%
1.0%	1.0%	1.0%	1.0%
2.3%	2.3%	2.4%	2.4%
100%	100%	100%	100%





**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình nhân sự**

**Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

**Tình hình tài chính**

**Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng**

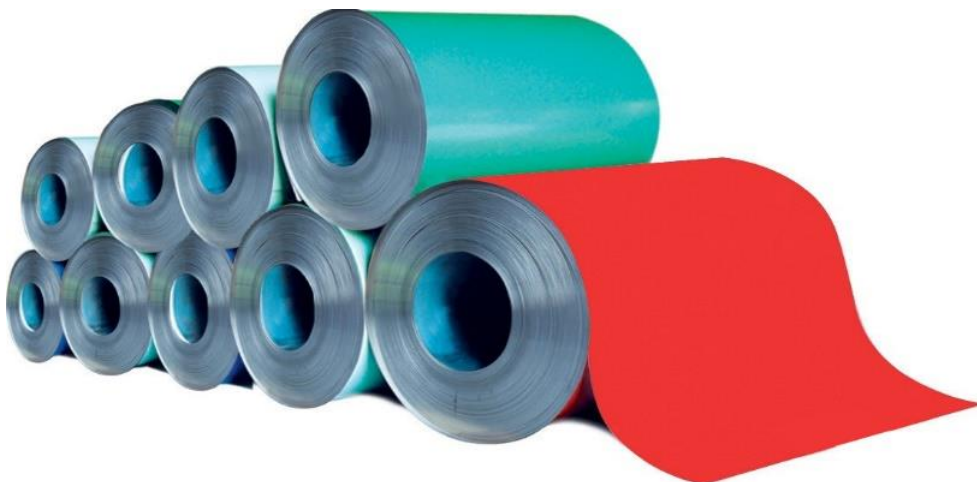
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Thị trường thép thế giới

- Năm 2017 tiếp tục là năm nhiều biến động của thị trường thép thế giới; Trong năm, đã có hai giai đoạn giá thép tăng nóng: giai đoạn tăng từ cuối tháng 2, đầu tháng 3 và giai đoạn tăng từ cuối tháng 5 kéo dài cho đến tháng 9/2017. Trong các chu kỳ tăng giá này cũng có những thời điểm giá thép điều chỉnh giảm. Giá thép tấm, cuộn cán nóng các nhà máy thép Trung Quốc hiện vẫn chào bán ở mức 590-600\$/t CFR Việt Nam.
- Nguyên nhân giá thép tăng trong năm 2017 một phần là do sức tiêu thụ thép của thị trường Trung Quốc khá tốt; một phần khác do chính phủ Trung Quốc đã mạnh tay hơn trong việc đóng cửa nhiều nhà máy nhỏ nhằm giảm ô nhiễm môi trường, đặc biệt sản lượng cắt giảm vào những tháng cuối năm.

## Thị trường thép trong nước

- Chịu sự ảnh hưởng của giá thép thế giới, giá thép nhập khẩu trung bình trong 11 tháng đầu năm 2017 đạt khoảng 595,1 USD/tấn, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm 2016.
- Lượng sắt thép nhập khẩu về Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 tuy giảm 17,4% về lượng, nhưng kim ngạch lại tăng 13,6% so với 11 tháng đầu năm 2016, đạt 13,89 triệu tấn, trị giá trên 8,26 tỷ USD.
- Sắt thép nhập khẩu vào Việt Nam lớn nhất vẫn là từ thị trường Trung Quốc, chiếm tới 47% trong tổng lượng sắt thép nhập khẩu của cả nước và chiếm 46% trong tổng kim ngạch, đạt 6,54 triệu tấn, trị giá 3,79 tỷ USD, giảm 33,7% về lượng và giảm 6% về trị giá so với cùng kỳ. Kế tiếp là từ thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ và các thị trường khác. Giá sắt thép nhập khẩu từ Trung Quốc 11 tháng đầu năm nay tăng mạnh 42% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức trung bình 579,4 USD/tấn.
- Tuy nhiên, do sự cạnh tranh của các nhà máy và các nhà thương mại nhập khẩu, giá bán thép trong nước luôn thấp hơn hoặc bằng với giá chào bán thép của Trung Quốc tại thị trường Việt Nam trong cùng một thời điểm. Chính vì vậy đã dẫn đến sự thận trọng của các nhà nhập khẩu trong các giao dịch tương lai làm cho số lượng thép nhập khẩu về Việt Nam giảm đáng kể.
- Việc tiêu thụ thép trong nước vẫn còn gặp một số khó khăn do nhiều nhà máy sản xuất trong nước đẩy mạnh công suất trong khi các chính sách kích cầu trong nước vẫn còn yếu, nhiều dự án đầu tư còn chậm hay hoãn triển khai.



## Kết quả kinh doanh năm 2017

DANH MỤC	ĐVT	KH 2017	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ thực hiện	
					So với KH	So với 2016
<b>1. Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>2.499</b>	<b>2.769</b>	<b>2.361</b>	<b>110,79%</b>	<b>117,26%</b>
- Hàng hóa	-	2.452	2.708	2.302	110,44%	117,64%
- Dịch vụ	-	47	61	59	128,94%	102,71%
<b>2. Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	<b>320.000</b>	<b>300.680</b>	<b>318.874</b>	<b>93,96%</b>	<b>94,29%</b>
- Thép nhập khẩu	-	150.000	117.571	144.854	78,38%	81,17%
+ Kim khí chính phẩm	-	120.000	68.829	113.761	57,36%	60,50%
+ Vật tư thứ liệu	-	30.000	48.742	31.092	162,47%	156,77%
- Thép xây dựng	-	90.000	74.527	83.370	82,81%	89,39%
- Phôi, phế liệu & Gang thỏi	-	20.000	44.530	29.781	222,65%	149,52%
- Hàng hóa khác	-	60.000	64.052	60.869	106,75%	105,23%
+ Xi măng	-	60.000	62.635	60.633	104,39%	103,30%
+ Tole	-		1.418	236		600,72%
<b>3. Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	<b>25,6</b>	<b>80,7</b>	<b>62,6</b>	<b>315,23%</b>	<b>128,91%</b>
<b>4. Nộp ngân sách</b>	"		<b>101</b>	<b>74</b>		<b>136,49%</b>

Năm 2017, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HMC có nhiều khởi sắc. Tổng doanh thu năm 2017 đạt 2.769 tỷ đồng, vượt 10,79% kế hoạch năm 2017 và tăng 17,26% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 80,7 tỷ đồng, vượt 215,23% kế hoạch và tăng 28,91% so với năm 2016. Mặc dù với sản lượng tiêu thụ không được như kì vọng, nhưng cũng đạt được 93,96% kế hoạch.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ
Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám Đốc
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Võ Thị Lệ Châu	Kế toán trưởng

Năm 2017, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành

## Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

### Ông ĐẶNG HUY HIỆP - Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 11/02/1961

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí luyện kim

#### Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
11/1984 - 12/1996	Kỹ thuật viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy Thép Nhà Bè thuộc Công ty Thép Miền Nam.
01/1997 - 6/1998	Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Thép Long Bình.
7/1998 - 11/2006	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thép Miền Nam.
11/2006 - 12/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.
01/2010 - 6/2015	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Thép Vinakyoel.
07/2015 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Kim khí TPHCM-VNSTEEL.

**Ông TRƯƠNG BÁ LIÊM - Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 01/01/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1987 - 1997	Cán bộ kỹ thuật, Cửa hàng phó, Cửa hàng trưởng, Phó Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty Kim Khí Đà Nẵng.
1998 - 1999	Giám sát kinh doanh KV Miền Trung Cty Mercedes Benz.
2001 - 2003	Phó Phòng KD – XNK Công ty KD thép & TB Công nghiệp.
2003 - 2005	Phó Giám đốc Cty KD thép & TBCN, Công ty CP Kim khí TPHCM.
01/2006 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kim khí TPHCM-VNSTEEL.

**Bà VÕ THỊ LỆ CHÂU - Kế toán trưởng**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 01/01/1964

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1989 - 02/2000	Công tác tại Công ty Vật tư Thử liệu, Công ty KD Thép và TBCN.
03/2000 - 12/2003	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty KD Thép và TBCN.
01/2003 - 03/2007	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty Kim khí TP HCM.
04/2007 - T6/2008	Trưởng Phòng Tài chính kế toán Cty CP Kim khí TP HCM.
07/2008 - Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Kim khí TP HCM- VNSTEEL.

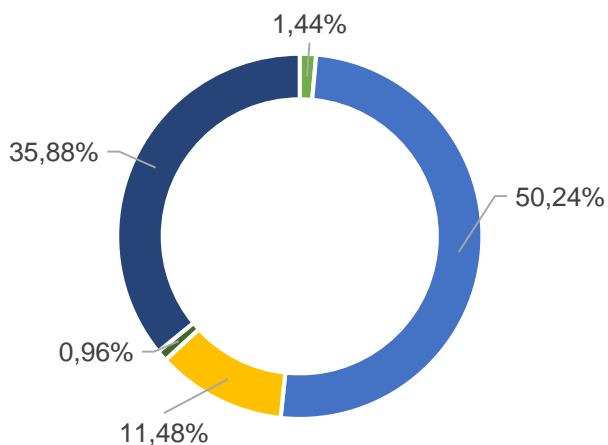


## Số lượng Người lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>209</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ trên đại học	3	1,44%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	105	50,24%
3	Trình độ trung cấp	24	11,48%
4	Công nhân kỹ thuật	2	0,96%
5	Lao động phổ thông	75	35,88%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>209</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	135	64,59%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	22	10,53%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	52	24,88%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>209</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	150	71,77%
2	Nữ	59	28,23%

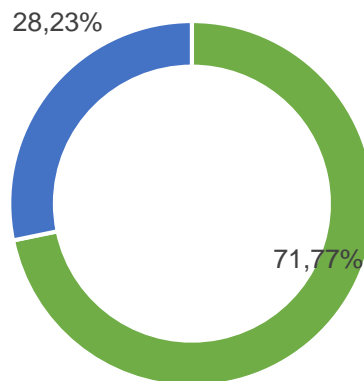


**Theo trình độ lao động**



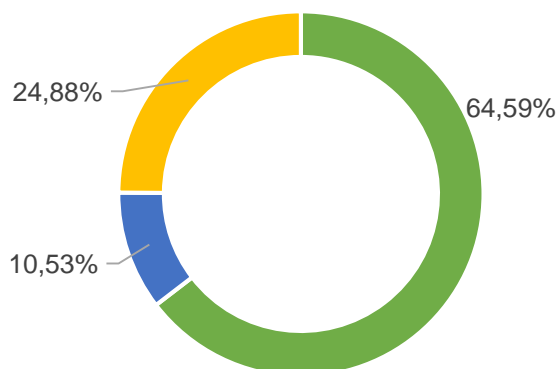
- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

**Theo giới tính**



- Nam
- Nữ

**Theo loại hợp đồng lao động**



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

TT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2014	251	7.200.000
2	2015	217	6.648.000
3	2016	217	9.300.000
4	2017	209	13.400.000

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## Các khoản đầu tư tài chính

Tình hình các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

- Khoản đầu tư chứng khoán Công ty CP thép Nhà Bè: giá trị đầu tư là 23 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng đầu tư 16,445 tỷ đồng, tăng 2,185 tỷ đồng so với năm 2016.
- Khoản góp vốn đầu tư Công ty CP thép Tấm lá Thống Nhất số tiền 14 tỷ đồng, trích lập dự phòng đầu tư đến 31/12/2017 là 12,308 tỷ đồng (hoàn nhập dự phòng 1,691 tỷ đồng).
- Khoản góp vốn đầu tư Công ty TNHH VNS Daewoo số tiền 21 tỷ đồng, đến 31/12/2017 Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư 12,4 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với năm 2016.

## Quản lý và khai thác tài sản

Hai toà nhà của Công ty được quản lý và khai thác có hiệu quả. Tỷ lệ khai thác cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai và cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng năm 2017 là 100% với doanh thu 46,9 tỷ đồng (bao gồm doanh thu dịch vụ và điện, nước). Các kho bãi của Công ty cũng được khai thác tốt hơn, doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi đạt 13,4 tỷ đồng tăng 26,4% so với năm 2016.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tỉ lệ tăng, giảm
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>2.768.734.272.334</b>	<b>2.361.358.784.653</b>	<b>17,3%</b>
Giá vốn hàng bán	2.570.829.719.703	2.216.432.019.876	16,0%
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>197.904.552.631</b>	<b>144.926.764.777</b>	<b>36,6%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	16.134.135.835	15.917.378.704	1,4%
Chi phí tài chính	13.766.468.040	31.566.552.246	-56,4%
Trong đó: chi phí lãi vay	12.351.120.459	22.441.465.228	-45,0%
Chi phí bán hàng	65.581.951.588	56.097.544.766	16,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.876.015.262	21.649.236.825	65,7%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>98.814.253.576</b>	<b>51.530.809.644</b>	<b>91,8%</b>
Lợi nhuận khác	<b>1.681.051.224</b>	<b>18.486.320.207</b>	<b>-90,9%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>100.495.304.800</b>	<b>70.017.129.851</b>	<b>43,5%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>80.720.014.263</b>	<b>62.656.631.606</b>	<b>28,8%</b>

Tổng doanh thu thuần: 2.768.734.272.334 đồng, tăng 17,3% so với năm 2016 và đạt 110,8% kế hoạch 2017.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 36,6% so với năm 2016. Trong đó tỷ lệ lãi gộp của hoạt động kinh doanh hàng hóa đã tăng đáng kể từ 4,35% lên 6,08% doanh thu.

Chi phí tài chính giảm 56,4% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ tiết kiệm chi phí lãi vay. Trong kỳ, số dư nợ vay ngân hàng bình quân giảm đáng kể và lãi suất vay ở mức hợp lý.

Tổng chi phí bán hàng tăng 16,91% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của chi phí nhân công tăng do được trích theo tỷ lệ tăng lợi nhuận so với kế hoạch.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 65,71% so với năm 2016 do chi phí nhân công và chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng.

Kết quả kinh doanh năm 2017, Công ty đạt 80,72 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch đã đề ra 215,23%.

## Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,48	1,41
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,69
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,30%	62,97%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	128,82%	170,03%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,97	6,66
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,89	3,02
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,65%	2,91%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,38%	22,03%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,67%	8,77%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,18%	3,57%

### Về khả năng thanh toán:

Các hệ số thanh toán của Công ty không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2016. Do tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tăng tương đồng, cùng tốc độ do đó khả năng thanh toán vẫn được giữ ở tình trạng tốt, đảm bảo khả năng thanh khoản của Công ty với các hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Về cơ cấu vốn:

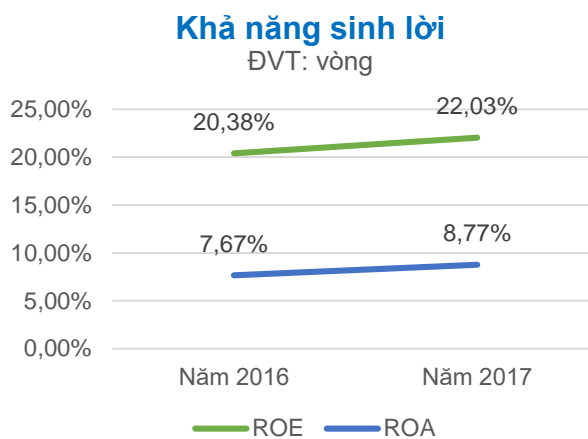
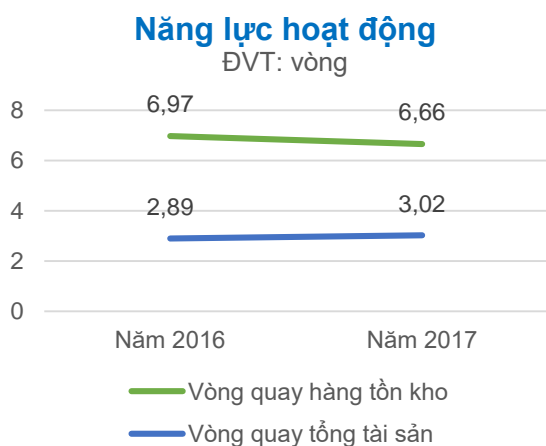
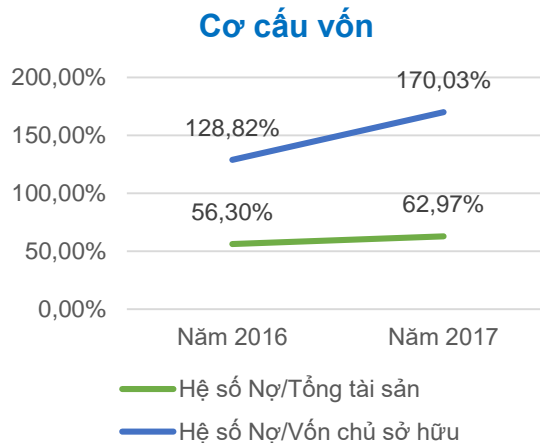
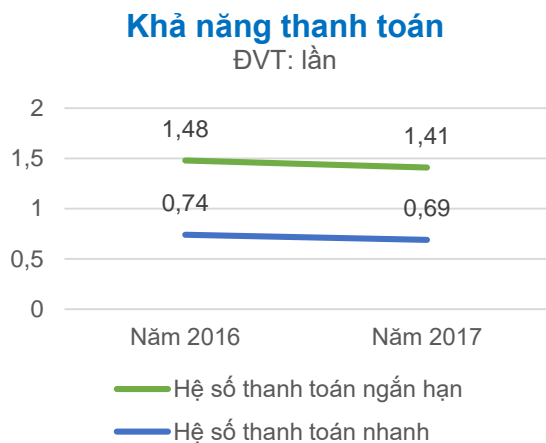
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, cụ thể là hệ số nợ/tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu có mức tăng tương đối so với năm 2016. Với đặc thù của ngành thương mại thép, Công ty cần nguồn vốn lớn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Với cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm hơn 95% tỷ trọng. Trong năm 2017, các chỉ số về nợ tăng chủ yếu đến từ mức tăng của khoản mục phải trả người bán ngắn hạn. Do đó, mặc dù các hệ số về nợ có tăng, tuy nhiên các gánh nặng về lãi vay của Công ty không tăng thêm.

### Về năng lực hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong năm 2017 giảm từ 6,97 vòng xuống 6,66 vòng. Do kết quả hoạt động kinh doanh có diễn biến tốt và để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh trong thời gian tới nên tốc độ tăng của khoản mục hàng tồn kho có nhanh hơn so với giá vốn hàng bán, dẫn đến số vòng quay có giảm nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động kinh doanh được thể hiện qua chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản khi trong năm 2017, chỉ tiêu này tăng từ 2,89 vòng lên 3,02 vòng.

### Về khả năng sinh lời:

Năm 2017, với sự nỗ lực đưa ra các chiến lược, giải pháp hợp lý, kết hợp một cách nhịp nhàng các chính sách hoạch định trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã gặt hái được nhiều thành quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tất cả các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng, thể hiện hiệu quả kinh doanh được cải thiện ở tất cả mọi mặt.



So với thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản của Công ty tăng 36,74% do số dư các khoản phải thu ngắn hạn tăng 57,33% và hàng tồn kho tăng 52,34%.

Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng 10,8 tỷ so với thời điểm 31/12/2016, chủ yếu do dự phòng khoản nợ quá hạn của Công ty CP Tấm lá Thống Nhất, tuy nhiên khoản nợ này có khả năng thu hồi.

Giá trị hàng tồn kho tăng so với thời điểm 01/01/2017 do Công ty tăng lượng dự trữ thép xây dựng thời điểm cuối năm, mặt khác đơn giá tồn kho hầu hết mặt hàng thép tăng so với năm 2016.

Nhìn chung cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Công ty tương đối hợp lý. Nguồn vốn chủ sở hữu tài trợ hoàn toàn cho tài sản dài hạn và một phần tài sản ngắn hạn. Tỷ lệ nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2017 là 1,7 lần, tăng so với thời điểm 31/12/2016 (1,29 lần) do khoản nợ phải trả người bán tăng.

## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

- Tổng số cổ phần thường: 21.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần thường đang lưu hành: 21.000.000 cổ phần
- Công ty không có cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 21.000.000 cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

Thông tin thống kê về cổ đông  
(Chốt ngày 26/02/2018)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>801</b>	<b>20.902.810</b>	<b>209.028.100.000</b>	<b>99,54%</b>
1	Cổ đông nhà nước		-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	5	11.902.254	119.022.540.000	56,68%
3	Cổ đông cá nhân	796	9.000.556	90.005.560.000	42,86%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>38</b>	<b>97.190</b>	<b>971.900.000</b>	<b>0,46%</b>
1	Cá nhân	28	32.710	327.100.000	0,16%
2	Tổ chức	10	64.480	644.800.000	0,31%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>839</b>	<b>21.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

### Các chứng khoán khác

Không có.

# TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là kinh doanh sắt thép, gia công cắt chặt thép, khai thác kho bãi, cho thuê văn phòng.

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty sử dụng được quản lý chặt chẽ, nguồn nguyên liệu sau gia công được thu gom đưa vào nhà máy nấu luyện tái chế.

## Tiêu thụ năng lượng

### Năng lượng trực tiếp

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các dịch vụ và các sinh hoạt thường xuyên được đảm bảo, năng lượng tiêu thụ đáng kể mà công ty sử dụng: Điện.

Tổng lượng điện tiêu thụ toàn công ty (tòa nhà, kho Linh Trung, kho Vĩnh Lộc) năm 2017: 1.695.505 kwh/năm. Công ty hoạt động chủ yếu cho thương mại và dịch vụ nên không sử dụng năng lượng khác để vận hành máy móc thiết bị. Theo đánh giá của công ty, với mức tiêu thụ điện năng như trên là hoàn toàn phù hợp với công ty thương mại.

### Năng lượng gián tiếp

- Việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa nhập về hoặc giao đi đến khách hàng được công ty sử dụng dịch vụ thuê ngoài với số lượng lớn cho một lần di chuyển nên chi phí tính cho phần trên là không đáng kể. Các lượt đi lại của nhân viên được kết hợp trong các chuyến đi theo vùng địa lý và kết hợp với công việc từng lần, chi phí cho hoạt động này cũng không lớn và được công ty trình bày như trên.
- Công ty đánh giá với việc tiêu thụ năng lượng như trên là hợp lý đối với một công ty thương mại và dịch vụ. Ý thức được cần phải tiết kiệm nguồn điện năng là góp phần tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, vừa là giảm được chi phí cho công ty nên Ban điều hành khuyến khích nhân viên có ý thức tiết kiệm điện: tắt đèn, quạt, máy lạnh,...khi không cần thiết sử dụng; thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hại; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hưởng ứng giờ trái đất,...góp phần nhỏ vào công cuộc chung tay vào vệ nguồn năng lượng.





### Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn cần thiết nhất, địa bàn hoạt động chủ yếu của công ty là trong thành phố nên nhu cầu sử dụng nước luôn cao. Công ty sử dụng nước thủy cục của thành phố. Tổng lượng nước tiêu thụ sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2017 là: 12.234 m<sup>3</sup>. Ban lãnh đạo công ty lưu ý đối với phòng, ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:

- Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
- Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất. Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
- Các biện pháp khác.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty Cổ phần Kim khí Tp.HCM đã tiến hành thực hiện Báo cáo giám sát chất lượng Môi trường theo định kỳ 6 tháng/lần theo quy định về việc Bảo vệ Môi trường do Nhà nước Việt Nam ban hành.
- Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, các chất thải được quản lý và xử lý đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn yêu cầu.
- Đối với chất thải rắn, nguy hại: Thực hiện thu gom, phân loại và dán nhãn theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, thu gom các chất thải (công nghiệp và nguy hại).
- Công ty cam kết tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải có hiệu quả.



### Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty thực hiện việc đóng BH XH, BH YT, BH TN, BH TNLĐ – BNN cho người lao động đầy đủ và đúng theo quy định của nhà nước.
- Trang bị bảo hộ lao động: Tùy theo công việc, hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện việc trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định nhà nước.
- Sự tham gia của người đại diện người lao động trong thanh kiểm tra về an toàn sức khỏe và điều tra tai nạn sự cố, cơ chế khiếu nại, quyền từ chối công việc không an toàn: Ban chấp hành Công đoàn là người đại diện cho người lao động tham bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động.

### Hoạt động đào tạo người lao động

- Tổng số giờ đào tạo đã triển khai: 810 giờ.
- Số giờ đào tạo trung bình người lao động: 3,8 giờ/người/năm.
- Số giờ đào tạo theo cấp bậc: 24 giờ/người/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục nhằm hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Để xây dựng và phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năm 2017 Công ty đã cử 31 lao động là CBCNV bán hàng tham gia khóa học “kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, kỹ năng quản trị & thu hồi công nợ” và cử một số lao động tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn khác. Tổng số lao động được đào tạo năm 2017 là 40 người.



An aerial photograph of a city skyline at sunset. The sky is filled with soft, colorful clouds in shades of orange, pink, and blue. The city features numerous high-rise buildings, some with lights on, and a river in the foreground with several boats. The overall scene is a vibrant and modern urban landscape.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 
- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
  - **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
  - **Tình hình tài chính**
  - **Phân tích SWOT**
  - **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
  - **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	% 2017/2016
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	775.210	1.059.988	136,74%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.361.359	2.768.734	117,25%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.216.432	2.570.829	115,99%
DT hoạt động tài chính	Triệu đồng	15.917	16.134	101,36%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	109.312	115.223	105,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	51.531	98.814	191,76%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	18.486	1.681	9,09%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	70.017	100.495	143,53%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	62.657	80.720	128,83%
EPS	Đồng	2.984	3.720	124,66%

*Ghi chú: Chỉ tiêu giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo BCTC đã kiểm toán.*

Năm 2017, sản lượng tiêu thụ của công ty không đạt được kế hoạch do mặt hàng thép nhập khẩu của Công ty gặp một số khó khăn nhất định như sau:

- Lượng hàng xuất khẩu của Công ty giảm đáng kể, chỉ đạt 59% so với năm 2016, do nguồn hàng xuất khẩu của Công ty chủ yếu là thép nhập khẩu từ Trung Quốc xuất khẩu sang thị trường Campuchia hiện có giá cao hơn giá thép nội địa tại Việt Nam nên nhu cầu của khách hàng Campuchia đối với nguồn hàng của Trung Quốc giảm mạnh.
- Các chính sách thuế tự vệ để bảo hộ cho các sản phẩm sản xuất trong nước như: thép dây, thép hình, thép mạ, tôn màu làm sụt giảm đáng kể lượng hàng kinh doanh của công ty do giá nhập khó cạnh tranh.
- Việc triển khai tiêu thụ hàng sản xuất trong nước mới bước đầu thực hiện, chưa đạt mức đã đề ra.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

## Công việc cụ thể để tăng cường hoạt động quản trị công ty

- Tiếp tục rà soát sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ; đánh giá lại việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành và sửa đổi cho phù hợp với thực tế, đặc biệt là quy chế kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để khắc phục những tồn tại và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Công ty đã ban hành khá đầy đủ hệ thống các quy chế, quy định và đưa vào thực hiện. Nhìn chung các quy chế, quy định được xây dựng sát với tình hình Công ty. Trong quá trình thực hiện Công ty sẽ có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế phát sinh.

## Về tài chính kế toán

- Cân đối hợp lý nguồn vốn tự có và vốn vay, tăng cường quản trị dòng tiền, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho kinh doanh, đầu tư. Chi phí tài chính năm 2017 giảm 56% so với năm 2016. Chi phí tài chính chỉ chiếm tỷ lệ 0,5%/doanh thu trong khi năm 2016 chi phí tài chính chiếm tỷ lệ 1,34%/doanh thu.
- Chi phí tài chính giảm ngoài nguyên nhân công tác quản lý tài chính có cải thiện, một phần khác nhờ quản trị kinh doanh, bên cạnh đó tỷ giá USD và lãi suất vay tại các ngân hàng ổn định.
- Chú trọng công tác phân tích kết quả hoạt động kinh doanh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh các quyết định quản lý, nâng cao hiệu quả của Công ty.

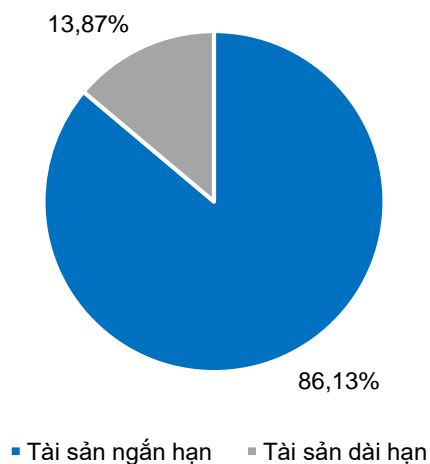
## Về tổ chức, lao động

- Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống đãi ngộ 3P, các vị trí công việc được chuẩn hóa, sự phân công công việc cho người lao động được cụ thể, rõ ràng. Tiền lương được trả theo vị trí công việc, theo năng lực, hiệu quả lao động của từng cá nhân.
- Năm 2017, Công ty đã rất chú trọng đến công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ cho đội ngũ bán hàng.

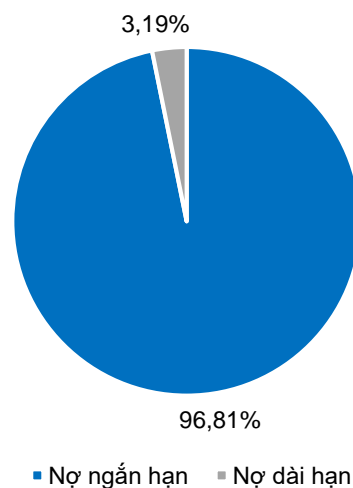
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	TH 2017/ TH 2016	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	610.927	912.993	149,44%	78,81%	86,13%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	164.283	146.994	89,48%	21,19%	13,87%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>775.210</b>	<b>1.059.988</b>	<b>136,74%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	413.237	646.157	156,36%	94,69%	96,81%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	23.181	21.282	91,81%	5,31%	3,19%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>436.418</b>	<b>667.440</b>	<b>152,94%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

### Tổng tài sản



### Tổng nợ phải trả



Nhìn chung, tổng tài sản năm 2017 tăng so với năm 2016. Trong cơ cấu tài sản Công ty, tài sản ngắn hạn chiếm 86,13% và tài sản dài hạn chiếm 13,87%. Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (465,997 tỷ đồng). Do đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty là thương mại thép nên hàng tồn kho dưới dạng hàng hóa chờ bán chiếm phần lớn (hơn 477,501 tỷ đồng, chiếm hơn 99%). Phần còn lại đóng góp vào trong tài sản ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn (367,638 tỷ đồng), khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (19,822 tỷ đồng), khoản tiền mặt góp giá trị nhỏ (1.651,25 triệu), và tài sản ngắn hạn khác (25,530 tỷ đồng).

Tài sản dài hạn năm 2017 đạt khoảng 147 tỷ đồng giảm khoảng 17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016. Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 31/12/2016 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong năm của các tài sản này là 6.052.237.632 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2017 là 47.229.228.578 đồng.

Nợ ngắn hạn chiếm hơn 96,81% trong tổng nợ của Công ty. Đặc thù hoạt động của Công ty cần một lượng lớn vốn lưu động để chi cho các hoạt động thường xuyên, các hợp đồng thương mại thép nhập về Công ty. Các khoản nợ ngắn hạn này phần lớn là khoản vay tín chấp ngân hàng, tuy nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhưng Công ty vẫn theo dõi để trả nợ đúng hạn. Năm 2017, khoản vay ngân hàng chỉ còn hơn 341,984 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2016. Việc Công ty giảm các khoản vay tài chính phần nào giảm thiểu gánh nặng chi phí tài chính cho Công ty.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty đã có bước chuyển mình mạnh mẽ trong năm 2017 vừa qua và được tiếp tục duy trì trong thời gian tới, các khoản nợ đều được đảm bảo và thể hiện tình trạng rõ ràng, khả năng chi trả tốt, tài sản của Công ty duy trì tỷ trọng thiên về ngắn hạn và tăng trưởng mạnh trong năm phù hợp với hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL trong năm 2017.



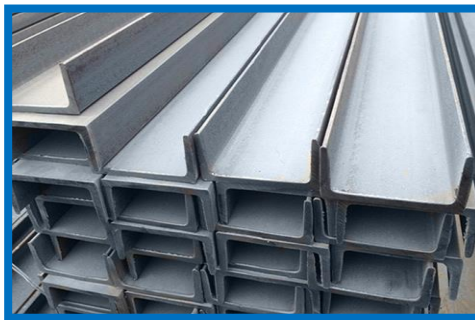
# PHÂN TÍCH SWOT

## THẾ MẠNH

- Có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép
- Am hiểu thị trường Thép Việt Nam, đặc biệt là khu vực Phía nam.
- Kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh hàng nhập khẩu, thông hiểu luật kinh tế quốc tế, hiểu sâu về kinh tế ngoại thương.
- Có hệ thống khách hàng tương đối mạnh và rộng khắp.
- Đội ngũ CBCNV nhiều kinh nghiệm và có mối quan hệ rộng khắp trong và ngoài ngành thép. Đội ngũ bán hàng có thế mạnh trong việc bán lẻ mặt hàng thép nhập khẩu sai quy cách.
- Sản phẩm hàng hóa đa dạng như : Thép xây dựng, thép tấm , lá các loại, trong đó sản phẩm thép tấm sai quy cách là nguồn kinh doanh chủ lực, Xi măng, VLXD.
- Hệ thống các đơn vị bán hàng nằm ở các điểm thuận lợi cho người mua tại Tp. HCM và các tỉnh Miền Tây.

## ĐIỂM YẾU

- Lực lượng lao động tương đối lớn tuổi, chất lượng không đồng đều, công tác đào tạo và đào tạo lại cho người lao động cần được quan tâm hơn nữa.
- Tiêu thụ thép chính phẩm nhập khẩu chủ yếu là bán buôn qua các Công ty thương mại lớn, tỉ lệ bán lẻ còn thấp. Vì vậy thị phần Công ty giảm khi các nhà thương mại khác lớn mạnh, tổ chức kinh doanh tương tự Công ty và là đối thủ của Công ty.
- Chưa xây dựng được hệ thống tiêu thụ thép vào các đối tác là dự án và công trình.
- Mô hình quản trị chưa đáp ứng cho quá trình hội nhập quốc tế
- Công tác đánh giá phân tích thị trường ngành thép chưa thành hệ thống, Công tác Marketing, chăm sóc khách hàng chưa tốt.



## CƠ HỘI

- Việt Nam ngày càng phát triển, nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngày càng cao, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ thép sẽ tăng cao..
- Quá trình hội nhập hàng hóa sẽ đa dạng hơn và giá sẽ cạnh tranh hơn
- Thị trường xuất khẩu sẽ rộng hơn cho các khu vực trong các nước tham gia hiệp định thương mại tự do ETA, TPP...
- Nhiều nhà máy có công suất lớn và đa dạng sản phẩm đang được đầu tư và sản xuất trong nước như : Formosa Hà Tĩnh, Posco SS ...

## THÁCH THỨC

- Các đối thủ cạnh tranh trong cùng lĩnh vực kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều, đòi hỏi Công ty phải có đối sách, chiến lược phù hợp cho từng thời điểm, cũng như từng đối tượng khách hàng.
- Thị trường Việt Nam được đánh giá sẽ có một sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như các nhà thương mại xuất khẩu vào Việt Nam và các nhà sản xuất nước ngoài tại Việt Nam.
- Sản phẩm thép cán nguội, thép mạ, thép xây dựng, thép ống do một số Công ty có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất trong nước sẽ làm thu hẹp thị phần thép nhập khẩu. Mặt khác các sản phẩm này nhận được hỗ trợ từ các chính sách ưu đãi, bảo hộ thuế ... của chính phủ nên có lợi thế cạnh tranh với hàng nhập khẩu.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đến thời điểm hiện tại, giá thép trên thị trường đã ở mức cao trong một khoảng thời gian dài. Vì vậy, năm 2018 dự báo giá sắt thép sẽ có những biến động khó lường, thị trường thép sẽ gặp nhiều khó khăn và khó dự đoán.

- Mặc dù thị trường thép trong nước thời gian qua đã có đà tăng trưởng tốt, nhưng sang năm 2018 nhu cầu thép cho xây dựng có chậm lại do thị trường bất động sản bão hòa.
- Các chính sách thuế tự vệ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn hàng nhập khẩu của công ty, dẫn đến lượng hàng tiêu thụ năm 2018 dự đoán sẽ sụt giảm đáng kể.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
<b>A</b>	<b>DOANH THU</b>	Tỷ đồng	<b>3.277</b>
	- Doanh thu dịch vụ	"	60
<b>B</b>	<b>TỔNG LƯỢNG</b>	tấn	<b>320.000</b>
<b>1</b>	<b>Thép nhập khẩu</b>	tấn	<b>120.600</b>
	- Thép chính phẩm	"	68.600
	- Thép SQC	"	52.000
<b>2</b>	<b>Thép sản xuất trong nước</b>	tấn	<b>93.000</b>
<b>3</b>	<b>Hàng hóa khác</b>	tấn	<b>106.400</b>
	-Phôi thép	"	40.000
	-Xi măng	"	65.000
	-Tole	"	1.400
<b>C</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	Tỷ đồng	<b>50</b>

## Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2018

### Công tác kinh doanh

- Tiếp tục bám sát thị trường, tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường trong và ngoài nước để chuẩn bị đủ nguồn hàng, cân đối lượng hàng tồn kho hợp lý nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty.
- Để tồn tại và phát triển bền vững Công ty cần phải kinh doanh cả hai thị trường là bán buôn và bán lẻ đến công trình. Việc này đòi hỏi Công ty phải có cơ chế giá linh hoạt hơn trong chính sách mua bán đối với từng đối tượng, từ đó có sự thay đổi chính sách số lượng mua vào.
- Tổ chức, xây dựng lại kênh bán hàng qua các đối tác truyền thống để tạo ra kênh tiêu thụ thường xuyên thông qua chính sách bán hàng.
- Để bù đắp nguồn hàng nhập khẩu bị hạn chế, tiếp tục tăng cường khai thác nguồn hàng chính phẩm trong nước như đẩy mạnh kinh doanh nguồn hàng thép hình Posco, liên kết với các công ty sản xuất trong hệ thống để kinh doanh mặt hàng thép cuộn cán nóng Formosa..
- Duy trì và đẩy mạnh công tác tiêu thụ thép nội, chú trọng tiêu thụ vào các công trình lớn và trọng điểm, tiếp tục mở rộng kinh doanh một số mặt hàng thép nội mới. Tăng cường quản lý để nâng hiệu quả kinh doanh thép nội.
- Theo sát diễn biến giá cả để tận dụng thời cơ tăng sản lượng xuất khẩu sang Campuchia và các thị trường khác.
- Giá thép chính phẩm ở mức cao mặt khác cũng tạo ra cơ hội để tăng sản lượng kinh doanh các mặt hàng thép sai quy cách, thép tận dụng.
- Tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý kinh doanh, mục tiêu là đảm bảo yêu cầu quản lý đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty..

### Công tác tài chính

- Tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, tìm kiếm và khai thác nguồn vốn vay có chi phí hợp lý để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thường xuyên phân tích tình hình biến động tỷ giá USD để đưa ra chính sách hợp lý trong việc sử dụng tiền VNĐ và ngoại tệ.
- Thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro và quản trị chi phí để bảo đảm cho sự phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
- Chú trọng hơn nữa công tác thu hồi công nợ, tích cực nghiên cứu giải pháp xử lý đối với từng trường hợp nợ quá hạn, nợ khó đòi.

### Công tác đầu tư, khai thác kho bãi và kinh doanh bất động sản

Nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và khai thác hai cao ốc và hệ thống kho bãi của Công ty.

### Công tác tổ chức nhân sự

- Tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực quản lý kế thừa nhằm thay thế những lao động quản lý sẽ nghỉ theo chế độ trong thời gian tới. Tiếp tục tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực bán hàng.
- Đào tạo nâng cao những kỹ năng cần thiết cho lao động chuyên môn, lao động quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Trách nhiệm về môi trường

Công ty tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường nước ngoài và nhất là đẩy mạnh tham gia sâu hơn, tích cực hơn, và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực thương mại thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Ban Lãnh đạo Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong công tác bảo vệ môi trường, thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, các dự án đầu tư nâng cấp cải tạo, các sáng kiến và giải pháp kỹ thuật để cải tiến quy trình công nghệ, cải thiện môi trường làm việc, giảm thiểu phát thải vào môi trường, cải tạo cảnh quan...với mục tiêu làm cho môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp hơn.

Cán bộ nhân viên Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Công ty sẽ chủ động xây dựng kế hoạch hành động, nắm bắt kịp thời, chỉ đạo quyết liệt để giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại..., góp phần tích cực vào phát triển bền vững theo đường hướng lâu dài.





### Trách nhiệm xã hội

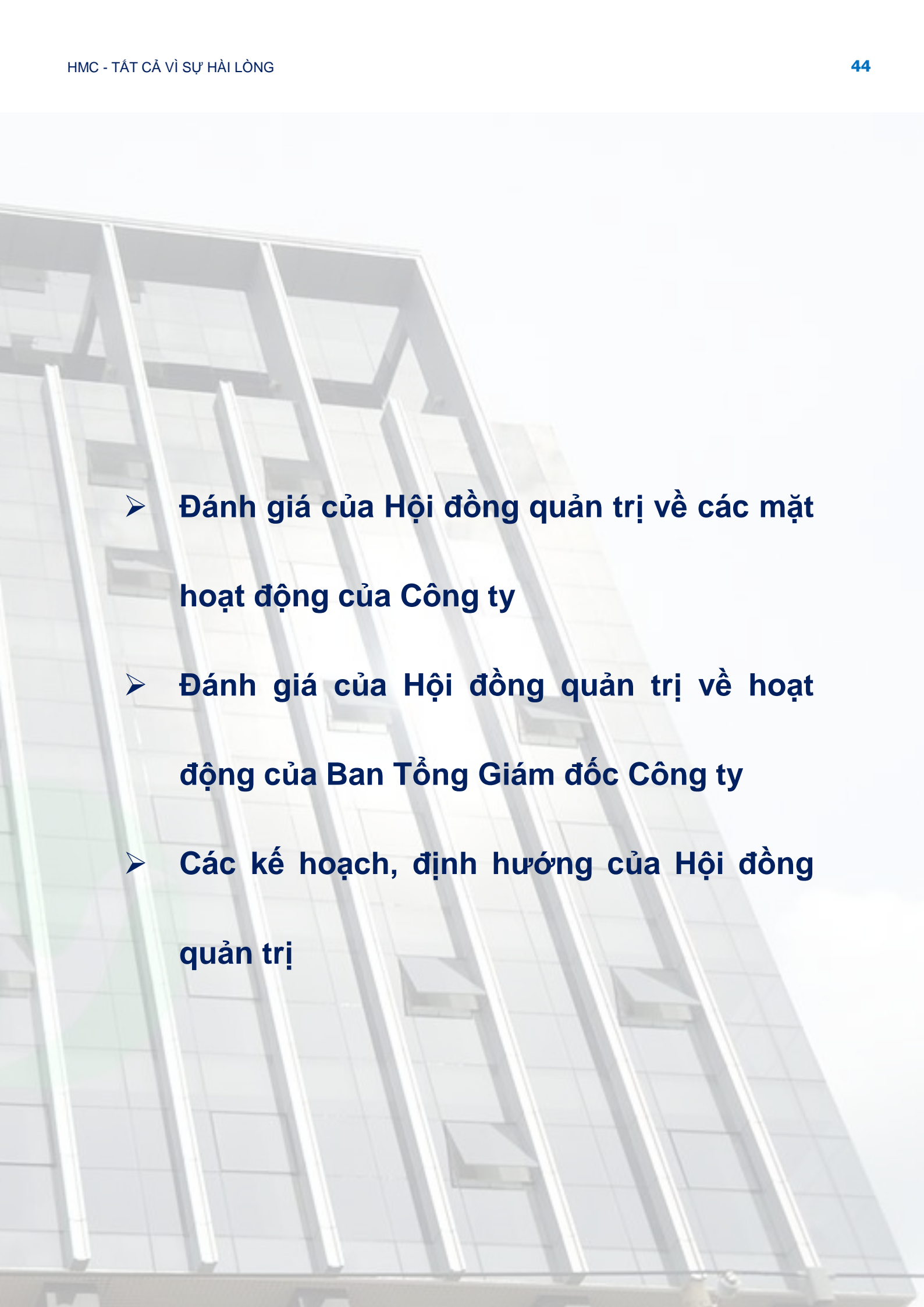
HMC không chỉ quan tâm đến việc tạo ra lợi nhuận mà còn luôn thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

- Với người lao động: Đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động; quan tâm đến các phương tiện, điều kiện làm việc để đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động; thường xuyên chăm lo cho các hoạt động phúc lợi của Công ty, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần và gắn kết người lao động.
- Với xã hội và cộng đồng: Công ty luôn gắn hoạt động của mình với các hoạt động vì cộng đồng, xã hội. Hàng năm, ngày hội hiến máu nhân đạo do Công ty tổ chức đã thu hút được sự tham gia tích cực của CBCNV Công ty và các Công ty bạn trong khu vực; đóng góp kinh phí cho phòng khám miễn phí cho bệnh nhân nghèo; ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; tích cực đóng góp ủng hộ các phong trào xã hội từ thiện của Tổng Liên đoàn, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và địa phương.



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- 
- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**
  - **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**
  - **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Kết quả kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Năm 2017	Năm 2016	Tỷ lệ thực hiện	
					So với KH	So với 2016
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.499	2.769	2.361	110,79%	117,26%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	320.000	300.680	318.874	93,96%	94,29%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,6	80,7	62,6	315,23%	128,91%
Nộp ngân sách	"		101	74	-	136,49%

Với quyết tâm cao, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành các cấp, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 giao, kinh doanh đạt lợi nhuận tốt, sử dụng và phát triển tốt nguồn vốn chủ sở hữu.

Công ty luôn nỗ lực xây dựng được hình ảnh, quảng bá thương hiệu của mình, được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống, tạo được sự tin tưởng đối với khách hàng trong và ngoài nước, từ đó nâng cao sự tin nhiệm trong việc được lựa chọn làm đơn vị cung cấp các sản phẩm thép, vật liệu xây dựng có chất lượng tốt nhất.

Mặc dù sản lượng tiêu thụ chưa đạt kế hoạch, nhưng các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế vượt xa kế hoạch và đạt mức cao nhất từ trước tới nay là 80,7 tỷ đồng.

Tổng doanh thu thuần năm 2017 đạt 2.769 tỷ đồng, vượt 10,79% kế hoạch năm 2017 và tăng 17,26% so với năm trước.

Nộp ngân sách: 101 tỷ đồng, tăng 36,49% so với năm 2016.

Giá trị sổ sách của 01 cổ phiếu HMC tại thời điểm 31/12/2017 là 18.693 đồng/cổ phiếu.

## Đánh giá kết quả các mặt hoạt động của Công ty

### Về hoạt động kinh doanh

- Luôn bám sát thị trường nhằm đưa ra mức giá bán sát với giá cả thị trường trong và ngoài nước từng thời điểm, từng đơn hàng cụ thể dựa trên lượng hàng tồn kho của công ty.
- Chú trọng công tác nhập khẩu, tận dụng thời cơ khai thác các nguồn hàng SQC trong nước và nhập khẩu mang lại hiệu quả cao cho Công ty. trong năm 2017 lượng hàng tiêu thụ thép SQC đã đạt 162.47% kế hoạch, bù đắp một phần thiếu hụt sản lượng các mặt hàng chính phẩm nhập khẩu.
- Hoạt động xuất khẩu tiếp tục được chú trọng để tăng sản lượng, tăng doanh thu và nguồn USD phục vụ thanh toán hàng nhập khẩu.
- Đối với thép nội: Đẩy mạnh công tác tiêu thụ vào các công trình lớn, trọng điểm và chú trọng công tác mở rộng kinh doanh một số mặt hàng mới.
- Tận dụng diễn biến tích cực của thị trường, vào một số thời điểm thuận lợi Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ được phần lượng lớn hàng tồn kho lâu năm.
- Hoạt động dịch vụ vẫn ổn định với doanh thu tăng 3,31% so với cùng kỳ. Tuy doanh thu hoạt động dịch vụ chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu ( 2,19%) nhưng lại có đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty, chiếm 16,82% tổng lãi gộp của Công ty.

### Về hoạt động tài chính

- Nhờ việc cân đối hợp lý nguồn vốn tự có và vốn vay, tăng cường quản trị dòng tiền, Công ty đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho kinh doanh, đầu tư. Chi phí tài chính năm 2017 giảm 56% so với năm 2016.
- Công tác quản lý và thu hồi công nợ đã có những chuyển biến tích cực hơn.

### Về hoạt động đầu tư

- Công ty đã làm tốt việc quản lý và khai thác tối đa công năng của các bất động sản, kho bãi hiện có.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát công tác quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát, cập nhật tình hình thị trường để đưa ra các giải pháp kịp thời, phù hợp với biến động của thị trường. Nhờ vậy Công ty đã nắm bắt, tận dụng được những thời cơ của thị trường và đạt được lợi nhuận cao.

Việc xây dựng kế hoạch và triển khai những nghị quyết mà Hội đồng quản trị đề ra được thực hiện một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành Công ty, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh giúp Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.



## CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

- Bám sát tình hình kinh tế trong nước, thế giới và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá để kịp thời có quyết sách chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao nhất.
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Tập trung vào việc chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn vốn, nhất là trong hoạt động bán hàng trả chậm và quản lý công nợ.
- Chú trọng quản trị tài chính, tiết giảm chi phí, quản lý tốt công nợ, không để phát sinh thêm các khoản nợ khó đòi.
- Chú trọng việc nâng cao chất lượng lao động, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài của Công ty.
- Chỉ đạo việc bổ sung sửa đổi các quy chế quy định quản trị Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Triển khai thực hiện nghiêm túc những hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng tại nghị định 71/2017/NĐ-CP và thông tư 95/2017/TT-BTC
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY



- **Hội đồng quản trị**
- **Ban kiểm soát**
- **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS**



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên và cơ cấu HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty như sau

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
Ông Vũ Bá Ổn	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên	Thành viên điều hành
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên	Thành viên không điều hành
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên	Thành viên điều hành
Ông Hồ Phi Hiệp	Thành viên	Thành viên không điều hành

## Công ty hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập

## Các tiểu ban thuộc Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban của HĐQT.

## Số buổi tham dự cuộc họp của các thành viên

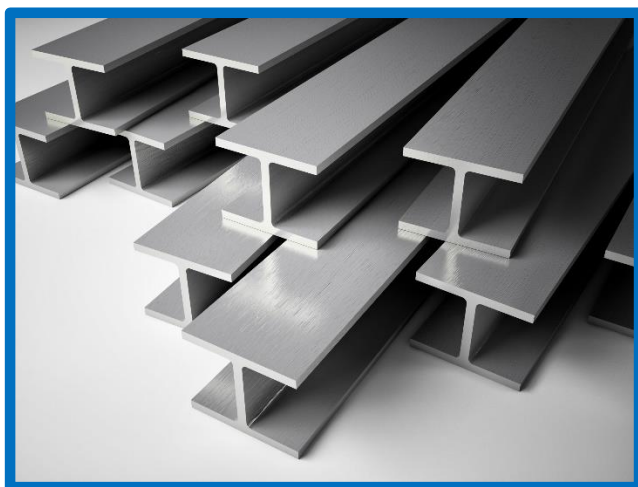
STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Vũ Bá Ổn	Chủ tịch HĐQT	01/04/2015	5	100%
2	Ông Đặng Huy Hiệp	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	02/04/2016	5	100%
3	Ông Lê Văn Hồng	TV HĐQT - Không điều hành	29/03/2014	5	100%
4	Ông Trương Bá Liêm	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	29/03/2014	5	100%
5	Ông Hồ Phi Hiệp	TV HĐQT - Không điều hành	15/09/2016	5	100%

### **Các hoạt động trong năm của HĐQT**

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 kỳ họp thường kì hàng quý và bất thường để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Cuộc họp ngày 17/03/2017: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 1/2017 và chương trình công tác trong tam quý 2/2017; phê duyệt quyết toán lương năm 2016 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2017 của Công ty; thông qua các tài liệu ĐHĐCĐ năm 2017 và công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ; thông qua quy chế tài chính và quy chế quản lý công nợ của Công ty; thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng BIDV; ủy quyền đại diện vốn Công ty tại Công ty CP thép tấm lá Thống Nhất...
- Cuộc họp ngày 04/04/2017: Thông qua việc vay vốn Ngân hàng TMCP Phương Đông.
- Cuộc họp ngày 05/07/2017: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 2 và 6 tháng đầu năm 2017; phương hướng nhiệm vụ quý 3 năm 2017; thông qua quy chế quản lý đầu tư, xây dựng và sử dụng tài sản của Công ty; thông qua tờ trình mua bất động sản tại Linh Trung Thủ Đức
- Cuộc họp ngày 03/10/2017: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 3 và 9 tháng đầu năm 2017; phương hướng nhiệm vụ quý 4 năm 2017; Thông qua việc vay vốn Ngân hàng TNHH Indovina, ngân hàng TMCP Công thương VN, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Cuộc họp ngày 27/12/2017: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác quý IV và năm 2017, phương hướng nhiệm vụ công tác quý I và năm 2018; Xem xét xử lý nợ không có khả năng thu hồi; dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017; thông qua tờ trình về ký hợp đồng với các Công ty có liên quan trong hệ thống Tcty Thép VN- CTCP; xem xét việc thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP và TT 95/2017/TT-BTC...

Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, tham gia ý kiến, thông qua các chủ trương, nhiệm vụ giao cho Ban điều hành thực hiện.





**Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	234/NQ-KK	17/03/2017	Chấp thuận giao dịch mua , bán hàng hóa giữa Công ty CP Kim khí TPHCM – VNSTEEL với các Công ty có liên quan.
2	235/NQ-KK	17/03/2017	Ủy quyền đại diện phần vốn của HMC tại Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất.
3	239//QĐ-KK	22/03/2017	Ban hành quy chế tài chính của Công ty.
4	240/QĐ-KK	22/03/2017	Ban hành quy chế quản lý nợ của Công ty.
5	241/NQ-KK	22/03/2017	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1/2017 và nhiệm vụ trọng tâm quý 2/2017.
6	252/NQ-KK	04/04/2017	Chấp thuận vay vốn ngân hàng OCB.
7	282/NQ-KK	29/05/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.
8	331/NQ-KK	07/07/2017	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 2/2017 và nhiệm vụ trọng tâm quý 3/2017 và 6 tháng cuối năm 2017.
9	345/NQ-KK	12/07/2017	Chấp thuận chủ trương mua bất động sản tại Linh Trung.
10	346/QĐ-KK	12/07/2017	Ban hành quy chế quản lý đầu tư – xây dựng và sử dụng tài sản của Công ty CP Kim khí TPHCM – VNSTEEL
11	379/QĐ-KK	08/08/2017	Phê duyệt giá mua bất động sản tại Linh Trung
12	446/NQ-KK	04/10/2017	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 3/2017 và nhiệm vụ trọng tâm quý 4/2017
13	539/QĐ-KK	27/12/2017	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
14	540/NQ-KK	27/12/2017	Xử lý công nợ khó đòi không có khả năng thu hồi
15	541/NQ-KK	28/12/2017	Chấp thuận giao dịch mua, bán hàng hóa giữa Cty CP Kim khí TPHCM – VNSTEEL với các Công ty có liên quan
16	545/NQ-KK	29/12/2017	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 4/2017 và năm 2017; nhiệm vụ trọng tâm quý 1/2018

Năm tài chính qua, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh đối với công tác điều hành hoạt động kinh doanh.

Giám sát, chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh thích ứng với cơ chế thị trường, đề ra các biện pháp tức thời và phù hợp trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Giám sát và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính trung thực, minh bạch về tài chính, về tình hình hoạt động kinh doanh, qua đó cũng tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, cổ đông thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.

Chỉ đạo việc tổ chức đánh giá kết quả hoạt động năm 2017 của Công ty và việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2018 của Công ty.

Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL vào ngày 01/04/2017.



# BAN KIỂM SOÁT

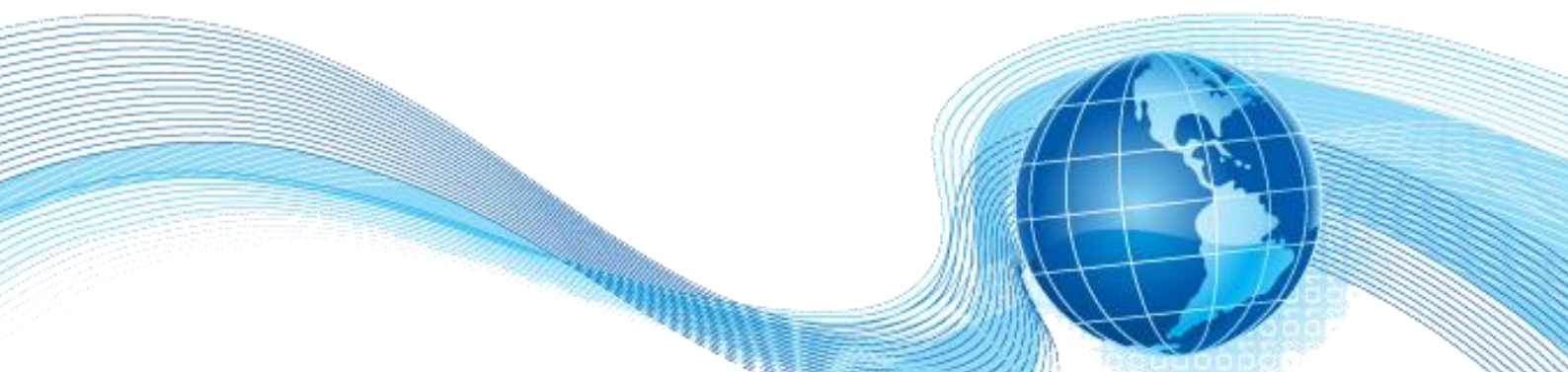
## Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên kiểm soát
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên kiểm soát

Năm 2017 vừa qua không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Kiểm soát.

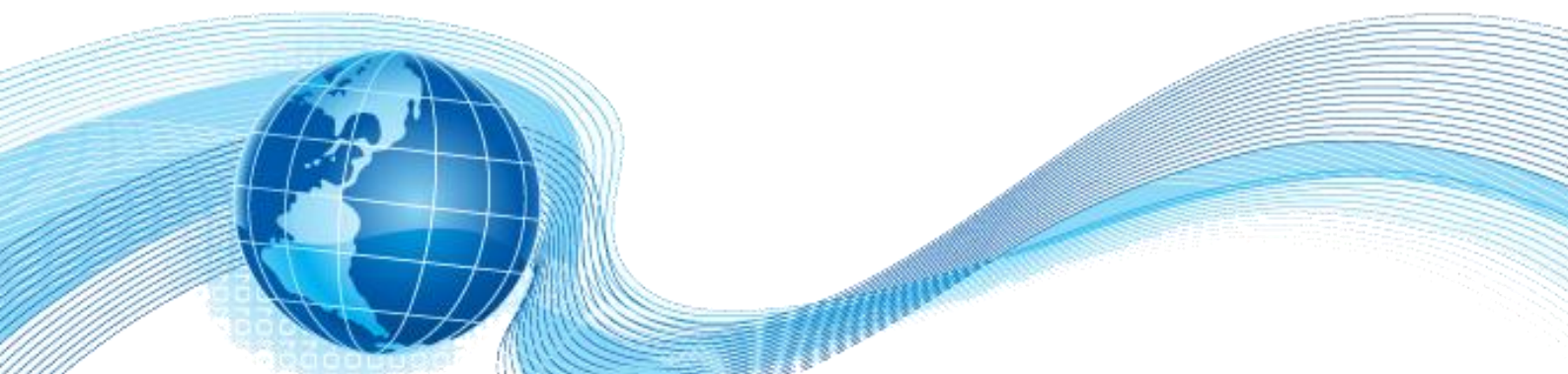
## Số buổi tham dự cuộc họp của các thành viên

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban	29/03/2014	4	100%	
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	TV BKS	Bổ nhiệm từ 02/04/2016	4	100%	
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	TV BKS	Bổ nhiệm từ 02/04/2016	4	100%	



### ***Hoạt động của Ban kiểm soát***

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 và lập báo cáo trình ĐHĐCĐ. Thẩm định các báo cáo tài chính quý năm 2017 của Công ty, qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017 của Công ty. Trao đổi với kiểm toán về những vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- Giám sát công tác quản lý chi phí, quản lý công nợ và tình hình thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ của Công ty thực hiện kiểm tra một số nội dung cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy chế quy định tại các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia góp ý xây dựng các quy chế quản trị của Công ty.
- Ghi nhận ý kiến đóng góp của cổ đông đối với hoạt động của Công ty và chuyển đến HĐQT và ban điều hành; cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc cho cổ đông.
- Năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức bốn cuộc họp với nội dung chính là: đánh giá hoạt động năm 2016, thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty, thẩm định và phân tích báo cáo tài chính các quý năm 2017 của Công ty.
- Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua thư điện tử, điện thoại để hoạt động của Ban kiểm soát được kịp thời, hiệu quả.



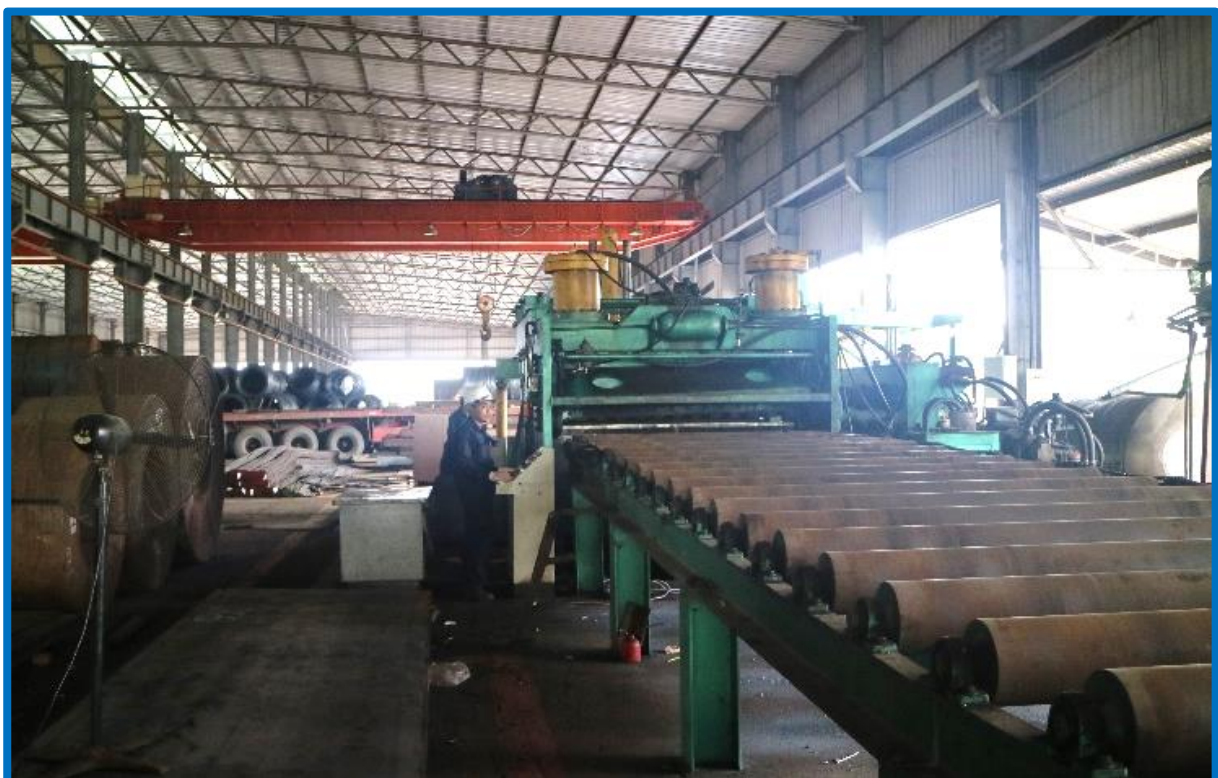
## Kết quả Kiểm tra, giám sát năm 2017 của Ban Kiểm soát

### Kết quả kinh doanh năm 2017

- Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến đánh giá của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình, kết quả hoạt động năm 2017 của Công ty.

### Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành

- Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và ban Tổng giám đốc Công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban kiểm soát.
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của Công ty tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.



### ***Hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành***

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- HĐQT đã hoạt động rất tích cực, bám sát tình hình của Công ty. Định kỳ, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành hoạt động của Công ty: triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT, nghiên cứu và dự báo sát diễn biến thị trường, đưa ra những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt trong từng giai đoạn...Kết quả là Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 Bộ Tài chính.



### Kiến nghị

- Để phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2017 và nâng cao hiệu quả kinh doanh năm 2018, Ban kiểm soát xin kiến nghị lãnh đạo Công ty như sau:
- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty để kịp thời phát hiện và khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong hoạt động của Công ty.
- Xây dựng và triển khai phương án thoái vốn đầu tư các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn không có hiệu quả nhằm tập trung nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính của Công ty.
- Chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng, đào tạo nhân sự có chất lượng cao để chuẩn bị nguồn lực kế cận trong tương lai.

### Kế hoạch hoạt động năm 2018 của ban kiểm soát

Tăng cường vai trò của Ban kiểm soát; thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, tập trung vào những nội dung chính sau:



- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nội dung khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm soát một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý tài chính và tình hình thực hiện các Quy chế quản lý kinh doanh, tài chính, công nợ của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017, các báo cáo tài chính hàng quý năm 2018 của Công ty. Hàng quý lập báo cáo đánh giá hoạt động trong kỳ và đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2018 của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra một số nội dung cụ thể trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc
- Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BAN KS

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2017 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Thù Lao	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
	Ông Vũ Bá Ổn	60.000.000				
	Ông Đặng Huy Hiệp					
	Ông Lê Văn Hồng	48.000.000				
	Ông Trương Bá Liêm					
	Ông Hồ Phi Hiệp	48.000.000				
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
	Bà Hoàng Lê Ánh		398.880.000	18.800.000		
	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	36.000.000				
	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	36.000.000	189.374.659	8.180.000		
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>					
	Ông Đặng Huy Hiệp		518.400.000	58.290.000		
	Ông Trương Bá Liêm		457.920.000	42.060.000		
	Bà Võ Thị Lệ Châu		398.880.000	25.670.000		



**Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Huỳnh Công Du	Huỳnh Thị Lệ Nga	30.000	0,14%	0	0	Bán
2	Huỳnh Thị Lệ Nga		0	0	25.990	0,12%	Mua

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ trong năm 2017:** Không có

**Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.
- Thực hiện Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng, Công ty đã sửa đổi điều lệ và xây dựng quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua. Đồng thời Công ty cũng đã bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
- Căn cứ theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về thành phần hội đồng quản trị Công ty đại chúng và Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về tiêu chuẩn của Thành viên HĐQT độc lập, theo đó cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, các cổ đông Công ty và HĐQT đương nhiệm vẫn chưa tìm được ứng viên phù hợp, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để bầu bổ sung vị trí Thành viên HĐQT độc lập. Hơn nữa, các thành viên HĐQT đương nhiệm đều phát huy tốt năng lực của mình để mang lại hiệu cao cho Công ty. Đồng thời nhiệm kỳ HĐQT sẽ hết hạn phải bầu lại vào ĐHCĐ thường niên năm 2019. Chính vì thế vị trí Thành viên HĐQT độc lập sẽ được tiến hành bầu cử vào nhiệm kỳ tới.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017



- 
- The background of the slide features a financial theme. In the foreground, there are three stacks of gold coins of varying heights, arranged from left to right. Behind the coins, a faint line graph is visible, showing an upward trend. The graph has several data points with percentage values: +100.00% at the top right, +5% in the middle, +20.0% on the left, and +2.0% on the right. At the bottom right, there is a value of +1.09%. The overall color palette is light and professional, with a focus on gold and white tones.
- **Ý kiến kiểm toán**
  - **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được lập ngày 20 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

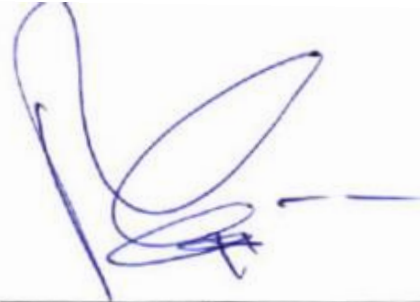
**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1



**Trần Quang Mậu**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0668-2018-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>912.993.494.985</b>	<b>610.926.560.633</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>21.473.323.740</b>	<b>31.242.920.955</b>
111	1. Tiền		21.473.323.740	31.242.920.955
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>32.355.000.000</b>	<b>29.540.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.000.000.000	23.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(16.445.000.000)	(14.260.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		25.800.000.000	20.800.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>367.637.675.437</b>	<b>233.666.364.945</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	331.165.982.873	217.491.943.945
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21.410.857.045	4.096.220.183
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.604.223.843	16.865.093.367
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.543.388.324)	(4.786.892.550)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>465.997.764.372</b>	<b>305.885.851.741</b>
141	1. Hàng tồn kho		477.501.131.086	321.696.800.615
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.503.366.714)	(15.810.948.874)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>25.529.731.436</b>	<b>10.591.422.992</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	108.000.000	116.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		25.421.731.436	10.475.422.992
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>146.994.258.902</b>	<b>164.283.261.509</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>264.000.000</b>	<b>264.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	264.000.000	264.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>37.574.731.837</b>	<b>37.591.807.927</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	29.007.190.423	31.784.904.321
222	- Nguyên giá		66.864.128.763	65.683.717.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.856.938.340)	(33.898.813.398)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.567.541.414	5.806.903.606
228	- Nguyên giá		10.057.078.260	6.854.050.168
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.489.536.846)	(1.047.146.562)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>98.234.559.190</b>	<b>104.286.796.822</b>
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.229.228.578)	(41.176.990.946)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>10.360.162.650</b>	<b>20.671.889.647</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.079.250.000	35.079.250.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(24.719.087.350)	(26.407.360.353)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	12.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>560.805.225</b>	<b>1.468.767.113</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	560.805.225	1.468.767.113
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.059.987.753.887</b>	<b>775.209.822.142</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>667.439.762.655</b>	<b>436.417.870.699</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>646.157.467.159</b>	<b>413.236.524.243</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	249.999.155.169	36.981.587.091
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.591.472.071	1.131.183.959
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.999.350.981	2.406.866.854
314	4. Phải trả người lao động		32.147.294.292	8.215.794.792
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.987.587.061	3.159.219.493
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		30.817.998	99.286.432
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.429.776.337	730.194.931
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	341.984.362.032	360.125.569.589
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.987.651.218	386.821.102
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>21.282.295.496</b>	<b>23.181.346.456</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	21.282.295.496	23.181.346.456
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>392.547.991.232</b>	<b>338.791.951.443</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>392.547.991.232</b>	<b>338.791.951.443</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		62.435.503.997	60.535.503.997
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		81.113.790.405	29.257.750.616
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(33.398.880.990)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		81.113.790.405	62.656.631.606
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.059.987.753.887</b>	<b>775.209.822.142</b>

  
**Nguyễn Thị Hồng Mây**  
 Người lập

  
**Võ Thị Lệ Châu**  
 Kế toán trưởng

  
**Đặng Huy Hiệp**  
 Tổng Giám đốc





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.769.728.026.874	2.363.390.556.854
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	993.754.540	2.031.772.201
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.768.734.272.334	2.361.358.784.653
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.570.829.719.703	2.216.432.019.876
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		197.904.552.631	144.926.764.777
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.134.135.835	15.917.378.704
22	7. Chi phí tài chính	25	13.766.468.040	31.566.552.246
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.351.120.459	22.441.465.228
25	8. Chi phí bán hàng	26	65.581.951.588	56.097.544.766
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	35.876.015.262	21.649.236.825
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		98.814.253.576	51.530.809.644
31	11. Thu nhập khác	28	1.859.992.607	18.731.817.497
32	12. Chi phí khác	29	178.941.383	245.497.290
40	13. Lợi nhuận khác		1.681.051.224	18.486.320.207
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		100.495.304.800	70.017.129.851
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	19.775.290.537	7.360.498.245
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		80.720.014.263	62.656.631.606
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	3.720	2.984



Nguyễn Thị Hồng Mây  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		6.945.640.611	
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>100.495.304.800</b>	<b>70.017.129.851</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.413.923.968	11.356.557.779
03	- Các khoản dự phòng		6.945.640.611	4.423.547.139
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		382.197	1.968.880.714
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.054.588.548)	(21.263.937.022)
06	- Chi phí lãi vay		12.351.120.459	22.441.465.228
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>128.151.783.487</b>	<b>88.943.643.689</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(159.788.011.377)	(1.110.156.965)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(155.804.330.471)	26.957.726.069
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		240.442.668.630	1.583.037.618
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		915.961.888	1.372.514.029
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.240.562.668)	(22.647.675.508)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.418.873.369)	(4.341.007.580)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.656.920.500)	(136.019.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>26.601.715.620</b>	<b>90.622.062.352</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.344.610.246)	(2.688.036.364)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		506.868.182	105.581.159.090
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.800.000.000)	(100.901.488.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.800.000.000	68.101.488.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.661.617.033	2.242.012.677
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>4.823.874.969</b>	<b>72.335.135.403</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.568.147.331.920	2.175.817.404.928
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.586.288.539.477)	(2.328.121.060.878)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.053.598.050)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(41.194.805.607)</i>	<i>(152.303.655.950)</i>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(9.769.215.018)</b>	<b>10.653.541.805</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>31.242.920.955</b>	<b>20.341.953.733</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(382.197)	247.425.417
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>21.473.323.740</b>	<b>31.242.920.955</b>



**Nguyễn Thị Hồng Mây**  
Người lập





**Võ Thị Lệ Châu**  
Kế toán trưởng

**Đặng Huy Hiệp**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2018

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 13 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký và đã thực góp đến ngày 31/12/2017 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

### Cấu trúc doanh nghiệp

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định khác            | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất               | 20 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 02 - 05 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30	năm

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## 2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng trả trước cho dịch vụ thuê văn phòng tại địa chỉ 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

#### **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.651.250.332	707.612.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.822.073.408	30.535.308.588
	<b><u>21.473.323.740</u></b>	<b><u>31.242.920.955</u></b>

### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	25.800.000.000	25.800.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.800.000.000	25.800.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
	<b><u>25.800.000.000</u></b>	<b><u>25.800.000.000</u></b>	<b><u>32.800.000.000</u></b>	<b><u>32.800.000.000</u></b>

(\*) Tại 31/12/2017, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng có giá trị 12.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với lãi suất 7%/năm và các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 13.800.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 6,3%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu Công ty CP Thép Nhà Bè (1.150.000 cổ phiếu)	23.000.000.000	6.555.000.000	(16.445.000.000)	8.740.000.000
	23.000.000.000	6.555.000.000	(16.445.000.000)	8.740.000.000
	<b>23.000.000.000</b>	<b>6.555.000.000</b>	<b>(16.445.000.000)</b>	<b>8.740.000.000</b>
				<b>(14.260.000.000)</b>

Giá trị hợp lý của Chứng khoán kinh doanh đang được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2017.

## c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty TNHH VNS - DAEWOO	35.079.250.000	(24.719.087.350)	35.079.250.000	(26.407.360.353)
- Công ty Cổ phần Thép Tám lá Thống Nhất	21.079.250.000	(12.410.159.066)	21.079.250.000	(12.407.360.353)
	14.000.000.000	(12.308.928.284)	14.000.000.000	(14.000.000.000)
	<b>35.079.250.000</b>	<b>(24.719.087.350)</b>	<b>35.079.250.000</b>	<b>(26.407.360.353)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH VNS - DAEWOO	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10%	10%	Kinh doanh thương mại sắt, thép các loại
- Công ty Cổ phần Thép Tám lá Thống Nhất	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7%	7%	Sản xuất kinh doanh thép tấm lá

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	47.927.497.059	51.159.408.692
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	40.445.161.235	-
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Hưng	15.343.454.418	20.838.602.587
- Các khoản phải thu khách hàng khác	227.449.870.161	145.493.932.666
	<b>331.165.982.873</b>	<b>217.491.943.945</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>88.372.658.294</b>	<b>51.159.408.692</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tokyo Boeki Materials LTD	14.960.869.037	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	6.449.988.008	-	4.096.220.183	-
	<b>21.410.857.045</b>	<b>-</b>	<b>4.096.220.183</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	542.243.333	-	656.140.000	-
Tạm ứng	51.495.000	-	35.247.684	-
Ký cược, ký quỹ	11.055.200.000	-	9.577.500.000	-
Các khoản được trợ giá	17.236.124.946	-	4.294.180.205	-
Phải thu lãi chậm trả	363.031.310	-	105.817.126	-
Chiết khấu thanh toán	569.900.200	-	322.349.249	-
Khoản quy trách nhiệm cho cá nhân	328.662.818	-	1.132.594.925	-
Phải thu khác	457.566.236	-	741.264.178	-
	<b>30.604.223.843</b>	<b>-</b>	<b>16.865.093.367</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	264.000.000	-	264.000.000	-
	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thép Bảo Tiến	2.359.171.005	1.164.585.502	2.529.171.005	1.770.419.703
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư GoHome	361.168.740	108.350.622	408.219.451	122.465.835
- Công ty TNHH MTV Thép Nguyễn Huy	-	-	398.514.199	199.257.099
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Khánh Trường Minh	1.039.123.060	311.736.918	2.039.123.060	611.736.918
- Công Ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	39.149.486.347	27.404.640.443	-	-
- Công ty TNHH Quang Giàu	-	-	4.860.571.223	3.402.399.856
- Các khoản khác	4.045.666.168	2.421.913.511	1.276.289.181	618.716.158
	<b>46.954.615.320</b>	<b>31.411.226.996</b>	<b>11.511.888.119</b>	<b>6.724.995.569</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	49.880.686	-	52.034.140	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	23.231.304	-
Hàng hoá	477.451.250.400	(11.503.366.714)	321.621.535.171	(15.810.948.874)
	<b>477.501.131.086</b>	<b>(11.503.366.714)</b>	<b>321.696.800.615</b>	<b>(15.810.948.874)</b>

## 10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	28.097.184.773		30.537.340.213		5.567.359.756		504.132.146		977.700.831		65.683.717.719	
- Mua trong năm	224.919.008		-		1.655.436.364		261.226.782		-		2.141.582.154	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(961.171.110)		-		-		(961.171.110)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.322.103.781</b>		<b>30.537.340.213</b>		<b>6.261.625.010</b>		<b>765.358.928</b>		<b>977.700.831</b>		<b>66.864.128.763</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	11.822.143.432		17.937.856.975		2.993.224.202		359.168.873		786.419.916		33.898.813.398	
- Khấu hao trong năm	1.449.149.643		2.901.625.901		397.222.285		81.038.315		90.259.908		4.919.296.052	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(961.171.110)		-		-		(961.171.110)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.271.293.075</b>		<b>20.839.482.876</b>		<b>2.429.275.377</b>		<b>440.207.188</b>		<b>876.679.824</b>		<b>37.856.938.340</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	16.275.041.341		12.599.483.238		2.574.135.554		144.963.273		191.280.915		31.784.904.321	
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>15.050.810.706</b>		<b>9.697.857.337</b>		<b>3.832.349.633</b>		<b>325.151.740</b>		<b>101.021.007</b>		<b>29.007.190.423</b>	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.538.500.060 đồng.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.854.050.168	-	6.854.050.168
- Mua trong năm	2.699.028.092	504.000.000	3.203.028.092
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.553.078.260</b>	<b>504.000.000</b>	<b>10.057.078.260</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.047.146.562	-	1.047.146.562
- Khấu hao trong năm	190.390.284	252.000.000	442.390.284
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.237.536.846</b>	<b>252.000.000</b>	<b>1.489.536.846</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	5.806.903.606	-	5.806.903.606
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.315.541.414</b>	<b>252.000.000</b>	<b>8.567.541.414</b>

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 31/12/2017 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong năm của các tài sản này là 6.052.237.632 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2017 là 47.229.228.578 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng chi nhánh miền Tây	18.000.000	116.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	90.000.000	-
	<b>108.000.000</b>	<b>116.000.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí hỗ trợ mở đường 13, đổi tên giấy chứng nhận sở hữu kho Linh Trung	546.845.118	1.093.690.234
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	271.437.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.960.107	103.638.929
	<b>560.805.225</b>	<b>1.468.767.113</b>



## 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	225.115.493.278	225.115.493.278	27.908.530.457	27.908.530.457
- Công ty Cổ phần Tôn Đông A	13.951.388.304	13.951.388.304	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Thép Tuấn Thanh	2.521.885.535	2.521.885.535	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	8.410.388.052	8.410.388.052	9.073.056.634	9.073.056.634
	<b>249.999.155.169</b>	<b>249.999.155.169</b>	<b>36.981.587.091</b>	<b>36.981.587.091</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	265.721.261	265.721.261

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	78.993.924.416	78.993.924.416	78.993.924.416	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	4.528.490.653	4.528.490.653	4.528.490.653	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.166.825.228	19.381.514.395	12.418.873.369	12.418.873.369	-	-	-	-	-	9.129.466.254	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	240.041.626	2.371.787.729	1.741.944.628	1.741.944.628	-	-	-	-	-	869.884.727	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.852.580.197	2.852.580.197	2.852.580.197	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	11.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.100.000	2.100.000	2.100.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	<b>2.406.866.854</b>	<b>108.141.397.390</b>	<b>100.548.913.263</b>	<b>100.548.913.263</b>	-	-	-	-	-	<b>9.999.350.981</b>	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

□

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	377.347.132	266.789.341
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	62.131.672	18.740.000
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	1.810.698.668	765.915.125
- Tiền bảo lãnh ngân hàng, lãi ký quỹ khách hàng	5.625.000	13.625.000
- Trích trước chi phí đi nước ngoài	420.000.000	1.498.970.000
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	441.348.902	457.660.629
- Trích trước tiền thuê kho	480.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	390.435.687	137.519.398
	<b>3.987.587.061</b>	<b>3.159.219.493</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	10.995.897	-
- Kinh phí công đoàn	-	36.761.610
- Bảo hiểm xã hội	-	279.080.495
- Bảo hiểm y tế	-	48.302.486
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	21.467.740
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.389.000.000	54.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.401.950	-
- Hỗ trợ di dời mặt bằng	682.413.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	300.965.490	290.582.600
	<b>2.429.776.337</b>	<b>730.194.931</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	21.282.295.496	23.181.346.456
	<b>21.282.295.496</b>	<b>23.181.346.456</b>

(\*) Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng của các khách hàng tại hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị khoản đặt cọc thông thường tương ứng từ 3 đến 6 tháng tiền thuê nhà.

## 18 . VAY NGÂN HẠN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	198.844.628.818	198.844.628.818	1.588.994.833.844	1.708.431.895.168	79.407.567.494	79.407.567.494
- Ngân hàng TMCP Dầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	67.395.865.551	67.395.865.551	741.634.057.244	638.015.427.456	171.014.495.339	171.014.495.339
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(3)</sup>	74.134.259.372	74.134.259.372	210.417.786.572	197.478.079.396	87.073.966.548	87.073.966.548
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	19.750.815.848	19.750.815.848	23.083.240.273	38.345.723.470	4.488.332.651	4.488.332.651
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Chợ Lớn	-	-	4.017.413.987	4.017.413.987	-	-
	<b>360.125.569.589</b>	<b>360.125.569.589</b>	<b>2.568.147.331.920</b>	<b>2.586.288.539.477</b>	<b>341.984.362.032</b>	<b>341.984.362.032</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 16.3000164/HĐTDHM/NHCT900 - KIMKHI ngày 01/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay thả nổi;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 79.407.567.494 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 02/2017/94697/HĐTD ngày 05/05/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh/L/C được mở;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 171.014.495.339 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 221/2017/HĐHM/CIB ngày 06/12/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Cho vay để thanh toán trực tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh sắt thép, xi măng trong và ngoài nước, đóng thuế các loại (trừ thuế TNDN), phát hành L/C (trả ngay và trả chậm); L/C trả chậm được phép thanh toán ngay (UPAS L/C) để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, xi măng;
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 05 tháng theo từng lần nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 87.073.966.548 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 193/1117/CL/1024191 ngày 20/11/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, tài trợ các giao dịch nhập khẩu và mở bảo lãnh Ngân hàng;
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.488.332.651 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

## 19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000		37.225.230.000		60.535.503.997		1.773.466.830		(33.398.880.990)		276.135.319.837	
Lãi trong năm trước	-		-		-		-		62.656.631.606		62.656.631.606	
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000		37.225.230.000		60.535.503.997		1.773.466.830		29.257.750.616		338.791.951.443	
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000		37.225.230.000		60.535.503.997		1.773.466.830		29.257.750.616		338.791.951.443	
Lãi trong năm nay	-		-		-		-		80.720.014.263		80.720.014.263	
Phân phối lợi nhuận	-		-		1.900.000.000		-		(29.257.750.616)		(27.357.750.616)	
Tăng khác(*)	-		-		-		-		393.776.142		393.776.142	
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000		37.225.230.000		62.435.503.997		1.773.466.830		81.113.790.405		392.547.991.232	

(\*) Khoản giảm chi phí thuế TNDN năm 2016 theo quyết toán thuế năm 2016 điều chỉnh vào lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 251/NQ-DHDCD ngày 01/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	29.257.750.616
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6,49%	1.900.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,55%	4.257.750.616
Chi trả cổ tức (bằng 11% vốn điều lệ)	78,95%	23.100.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67%	116.905.700.000	55,67%	116.905.700.000
Ông Trần Linh Phong	5,07%	10.640.000.000	5,40%	11.340.000.000
Các cổ đông khác	39,26%	82.454.300.000	38,93%	81.754.300.000
	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.100.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	23.100.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.435.503.997	60.535.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	<b>64.208.970.827</b>	<b>62.308.970.827</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	40.233,12	963.601,33
- Đồng Euro (EUR)	202,04	201,99

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
	38.912.770.116	39.091.401.582

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.709.044.980.960	2.304.653.195.604
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.683.045.914	58.737.361.250
	<b><u>2.769.728.026.874</u></b>	<b><u>2.363.390.556.854</u></b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<b><u>210.745.591.711</u></b>	<b><u>186.637.321.457</u></b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	126.688.300	210.948.900
Hàng bán bị trả lại	317.561.400	1.820.823.301
Giảm giá hàng bán	549.504.840	-
	<b><u>993.754.540</u></b>	<b><u>2.031.772.201</u></b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.547.745.093.655	2.206.548.815.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.392.208.208	14.120.894.972
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.307.582.160)	(4.237.690.341)
	<b><u>2.570.829.719.703</u></b>	<b><u>2.216.432.019.876</u></b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.857.720.366	2.808.152.677
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	11.012.185.064	12.432.386.022
Cổ tức, lợi nhuận được chia	690.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.011.865.255	676.840.005
Doanh thu hoạt động tài chính khác	562.365.150	-
	<b><u>16.134.135.835</u></b>	<b><u>15.917.378.704</u></b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.351.120.459	22.441.465.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	653.912.136	1.448.741.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	382.197	1.968.880.714
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	496.726.997	5.447.464.353
Chi phí tài chính khác	264.326.251	260.000.000
	<b><u>13.766.468.040</u></b>	<b><u>31.566.552.246</u></b>



**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	924.424.498	719.532.021
Chi phí nhân công	40.141.895.306	24.063.257.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.887.019.370	5.119.180.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.537.760.024	19.867.916.780
Chi phí khác bằng tiền	4.090.852.390	6.327.657.860
	<b>65.581.951.588</b>	<b>56.097.544.766</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	519.056.803	218.005.763
Chi phí nhân công	14.679.772.873	9.591.968.805
Thuế, phí, lệ phí	90.938.303	39.385.316
Chi phí dự phòng	10.756.495.774	3.213.773.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.390.914.170	2.491.971.665
Chi phí khác bằng tiền	6.438.837.339	6.094.132.149
	<b>35.876.015.262</b>	<b>21.649.236.825</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	506.868.182	1.070.373.718
Tiền phạt thu được	870.363.712	2.000.000
Chuyển nhượng dự án Phú Thuận	-	16.823.691.536
Chuyển nhượng dự án Quốc Hương	-	561.719.091
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	145.500.000	-
Thu nhập khác	337.260.713	274.033.152
	<b>1.859.992.607</b>	<b>18.731.817.497</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	151.844.681	231.413.563
Chi phí khác	27.096.702	14.083.727
	<b>178.941.383</b>	<b>245.497.290</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.495.304.800	52.631.719.224
Các khoản điều chỉnh tăng	570.117.884	3.702.664.277
- Chi phí không hợp lệ	569.735.687	1.733.783.563
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	382.197	1.968.880.714
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.188.970.000)	(36.485.340.174)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(690.000.000)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(36.485.340.174)
- Các khoản khác	(1.498.970.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	98.876.452.684	19.849.043.327
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>19.775.290.537</b>	<b>3.969.808.665</b>
Khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước làm giảm thuế		
TNDN phải nộp đến 31/12/2017	(393.776.142)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.166.825.228	(1.802.983.437)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(12.418.873.369)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>9.129.466.254</b>	<b>2.166.825.228</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	17.385.410.627
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(431.962.725)
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp dự án Quốc Hương	-	(431.962.725)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	16.953.447.902
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>3.390.689.580</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	950.318.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(4.341.007.580)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	19.775.290.537	7.360.498.245
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>9.129.466.254</b>	<b>2.166.825.228</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	80.720.014.263	62.656.631.606
Các khoản điều chỉnh	(2.600.000.000)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi dự tính trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	(2.600.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	78.120.014.263	62.656.631.606
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.720</b>	<b>2.984</b>

(\*) Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 251/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2017 phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2,6 tỷ đồng.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.293.913.728	982.078.329
Chi phí nhân công	66.135.779.657	34.314.468.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.413.923.968	11.356.557.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.659.958.257	20.025.717.444
Chi phí khác bằng tiền	21.747.656.294	19.202.784.180
	<b><u>131.251.231.904</u></b>	<b><u>85.881.606.633</u></b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.473.323.740	-	31.242.920.955	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	362.034.206.716	(15.543.388.324)	234.621.037.312	(4.786.892.550)
Các khoản cho vay	25.800.000.000	-	32.800.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	(16.445.000.000)	23.000.000.000	(14.260.000.000)
Đầu tư dài hạn	14.000.000.000	(12.308.928.284)	14.000.000.000	(14.000.000.000)
	<b><u>446.307.530.456</u></b>	<b><u>(44.297.316.608)</u></b>	<b><u>335.663.958.267</u></b>	<b><u>(33.046.892.550)</u></b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			341.984.362.032	360.125.569.589
Phải trả người bán, phải trả khác			273.711.227.002	60.893.128.478
Chi phí phải trả			3.987.587.061	3.159.219.493
			<b><u>619.683.176.095</u></b>	<b><u>424.177.917.560</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	6.555.000.000	-	-	6.555.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.691.071.716	-	1.691.071.716
	<b>6.555.000.000</b>	<b>1.691.071.716</b>	<b>-</b>	<b>8.246.071.716</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	8.740.000.000	-	-	8.740.000.000
	<b>8.740.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.740.000.000</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.473.323.740	-	-	21.473.323.740
Phải thu khách hàng, phải thu khác	346.226.818.392	264.000.000	-	346.490.818.392
Các khoản cho vay	25.800.000.000	-	-	25.800.000.000
	<b>393.500.142.132</b>	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>393.764.142.132</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.242.920.955	-	-	31.242.920.955
Phải thu khách hàng, phải thu khác	229.570.144.762	264.000.000	-	229.834.144.762
Các khoản cho vay	20.800.000.000	12.000.000.000	-	32.800.000.000
	<b>281.613.065.717</b>	<b>12.264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>293.877.065.717</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	341.984.362.032	-	-	341.984.362.032
Phải trả người bán, phải trả khác	252.428.931.506	21.282.295.496	-	273.711.227.002
Chi phí phải trả	3.987.587.061	-	-	3.987.587.061
	<b>598.400.880.599</b>	<b>21.282.295.496</b>	<b>-</b>	<b>619.683.176.095</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	360.125.569.589	-	-	360.125.569.589
Phải trả người bán, phải trả khác	37.711.782.022	23.181.346.456	-	60.893.128.478
Chi phí phải trả	3.159.219.493	-	-	3.159.219.493
	<b>400.996.571.104</b>	<b>23.181.346.456</b>	<b>-</b>	<b>424.177.917.560</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 21 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

### 36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>210.745.591.711</b>	<b>186.637.321.457</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	-	18.227.659.000
Công ty CP Thép Biên Hòa - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	-	2.173.152.691
Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	3.875.905.980	897.650.169
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	115.087.719.542	43.838.448.400
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	87.895.645.056	120.913.035.481
Công ty CP Mạ kẽm Vingal - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	3.254.892.041	587.375.716
Công ty CP Thép Vicasa - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	631.429.092	-
<b>Mua hàng</b>		<b>818.143.254.045</b>	<b>484.839.076.864</b>
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	14.662.388.071	13.399.304.494
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	729.811.033.451	441.188.238.380
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	265.721.261	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	560.845.560	224.433.000
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	72.843.265.702	30.027.100.990

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>88.372.658.294</b>	<b>51.159.408.692</b>
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	47.927.497.059	51.159.408.692
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	40.445.161.235	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>413.352.192</b>	<b>45.508.855</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	413.352.192	45.508.855
<b>Phải thu khác</b>		<b>3.088.176.250</b>	<b>1.205.231.549</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	3.088.176.250	1.205.231.549
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>265.721.261</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	265.721.261
<b>Ký cược, ký quỹ</b>		<b>4.055.200.000</b>	<b>2.577.500.000</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	4.055.200.000	2.577.500.000
<b>Nhận ký cược, ký quỹ</b>		<b>27.515.700</b>	<b>27.515.700</b>
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	27.515.700	27.515.700

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.200.031.864	1.657.487.877
Trong đó thu nhập của Tổng Giám đốc	518.500.000	457.385.085

### 37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Giá vốn hàng bán	11	2.216.432.019.876	2.212.142.997.370
Chi phí bán hàng	25	56.097.544.766	60.386.567.272



**Nguyễn Thị Hồng Mây**  
Người lập





**Võ Thị Lệ Châu**  
Kế toán trưởng

**Đặng Huy Hiệp**  
Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2018



**CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG HUY HIỆP**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2018*